

**TOÀN CẢNH CƠ CẤU TỔ CHỨC
LỰC LƯỢNG VŨ TRANG
QUÂN ĐỘI TRUNG QUỐC
NĂM 2023**

Năm 2023

Phụ lục

Nội dung	Số trang
I. Tổng quan chiến lược quân sự	03
II. Tổng quan cơ cấu tổ chức	08
III. Tổ chức Đảng	10
IV. Tổ chức chính quyền	11
V. Tổ chức, biên chế	13
VI. Trần quân hàm, nhóm chức vụ	15
VII. Tổ chức chung của Quân chủng, Chiến khu, Bộ Tư lệnh ngành, Quân đoàn, Quân khu cấp tỉnh	21
VIII. Cơ cấu tổ chức cụ thể 15 cơ quan QUTW	26
IX. Cơ cấu tổ chức cụ thể Quân chủng Lục quân	33
X. Cơ cấu tổ chức cụ thể Quân chủng Hải quân	39
XI. Cơ cấu tổ chức cụ thể Quân chủng Không quân	43
XII. Cơ cấu tổ chức cụ thể Quân chủng Tên lửa	46
XIII. Cơ cấu tổ chức cụ thể Quân chủng Chi viện chiến lược	48
XIV. Cơ cấu tổ chức Bộ Tư lệnh Bảo đảm Hậu cần liên hợp	50
XV. Cơ cấu tổ chức Bộ Tư lệnh Cảnh sát vũ trang	51
XVI. Cơ cấu tổ chức Đại học Quốc phòng	54
XVII. Cơ cấu tổ chức Học viện Khoa học Quân sự	54
XVIII. Cơ cấu tổ chức Đại học Công nghệ Quốc phòng	55
XIX. Cơ cấu tổ chức cụ thể các Chiến khu	56
Bảng tóm tắt nhóm chức vụ, trần quân hàm	61
Sơ đồ tổ chức Quân ủy Trung ương Trung Quốc	62

TOÀN CẢNH CƠ CẤU TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG QUÂN ĐỘI TRUNG QUỐC NĂM 2023

I. TỔNG QUAN CHIẾN LƯỢC QUÂN SỰ

1. Một số số liệu cơ bản

Dân số (tính đến 12.2022)	: Khoảng 1 tỷ 411 triệu người
Tổng sản phẩm trong nước 2022	: 140.000 tỷ NDT (= 21.705 tỷ USD)
Ngân sách Nhà nước 2022	: 30.000 tỷ NDT (= 4.651 tỷ USD)
Ngân sách Quốc phòng 2022	: 1.500 tỷ NDT (= 232,5 tỷ USD)

(01 USD = 6,45 NDT)

2. Sứ mệnh và mục tiêu

Chiến lược quân sự Trung Quốc là tổng hợp các sách lược về quy hoạch và chỉ đạo xây dựng lực lượng quân sự và hoạt động của lực lượng quân sự, phục vụ cho mục tiêu chiến lược của Quốc gia với chủ trương “Thực hiện mục tiêu phấn đấu xây dựng Quân đội 100 năm, mở ra cục diện mới hiện đại hóa quốc phòng và Quân đội”.

(1) Hoàn thành đúng thời hạn các mục tiêu nhân dịp kỷ niệm 100 năm thành lập Quân đội (đến năm 2027), đẩy nhanh xây dựng Quân đội Trung Quốc trở thành quân đội hàng đầu thế giới là yêu cầu chiến lược trong xây dựng đất nước xã hội chủ nghĩa hiện đại hóa toàn diện.

(2) Quán triệt “Tu tưởng cường quân” và phương châm chiến lược quân sự thời đại mới, kiên trì sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với Quân đội; kiên trì xây dựng Quân đội mạnh về chính trị, khoa học, công nghệ, nhân tài và quản lý theo pháp luật.

(3) Kiên trì vừa xây dựng, vừa đấu tranh, vừa chuẩn bị cho chiến tranh, phát triển lực lượng, vũ khí, trang bị theo hướng cơ giới hóa, tin học hóa, thông minh hóa; đẩy nhanh điều chỉnh, hiện đại hóa học thuyết quân sự, mô hình tổ chức Quân đội, nhân lực; nâng cao khả năng bảo vệ chủ quyền, an ninh, lợi ích quốc gia; thực hiện hiệu quả sứ mệnh và nhiệm vụ của Quân đội trong thời đại mới.

3. Định hướng chiến lược

(1) Tăng cường xây dựng Đảng toàn diện trong Quân đội, đảm bảo Quân đội luôn phục tùng sự lãnh đạo của Đảng; kiên toàn và quán triệt cơ chế, thể chế đối với chế độ Chủ tịch Quân ủy chịu trách nhiệm; đổi mới lý luận quân sự của Đảng; triển khai học tập “Tu tưởng cường quân, xây dựng sự nghiệp cường quân”; bồi dưỡng tinh thần chiến đấu cho các lực lượng.

(2) Tăng cường toàn diện huấn luyện chuẩn bị cho chiến tranh, nâng cao năng lực đánh thắng của Quân đội. Trong đó, cần tập trung nghiên cứu nắm bắt

quy luật, đặc điểm chiến tranh hiện đại; đổi mới phương thức chỉ đạo chiến lược quân sự, phát triển chiến thuật, chiến lược chiến tranh nhân dân; xây dựng lực lượng răn đe chiến lược mạnh; tổ chức thêm các lực lượng tác chiến trong các lĩnh vực mới, phương tiện mới; kiên định, linh hoạt triển khai đấu tranh quân sự, kiểm soát xung đột, khủng hoảng, giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh cục bộ trong điều kiện thông tin hóa.

(3) Tăng cường quản lý toàn diện quân sự, củng cố và mở rộng thành quả cải cách quốc phòng và Quân đội; hoàn thiện biên chế cơ cấu tổ chức, lực lượng, vũ khí, trang bị, bảo đảm hậu cần theo hướng hiện đại.

(4) Xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ, công nghiệp quốc phòng; xây dựng lực lượng dự bị động viên, lực lượng biên phòng hiện đại trên bộ, trên biển, trên không.

(5) Tăng cường huấn luyện, diễn tập theo hướng tác chiến liên hợp, sát với thực chiến nhằm chuẩn bị sẵn sàng đánh thắng trong các cuộc chiến tranh, bảo vệ chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

4. Nhiệm vụ chiến lược

Để đạt được các mục tiêu chiến lược quốc gia, thực hiện khái niệm an ninh quốc gia tổng thể, và đưa ra các yêu cầu mới về phát triển chiến lược quân sự và hoàn thành hiệu quả nhiệm vụ của quân đội. Cần phải thích ứng với các yêu cầu mới về bảo vệ lợi ích an ninh và phát triển quốc gia, chú ý hơn đến việc sử dụng lực lượng quân sự và phương tiện để tạo ra một thế trận chiến lược thuận lợi, đảm bảo an ninh mạnh mẽ để đạt được sự phát triển hòa bình, thích ứng với các yêu cầu mới về phát triển tình hình an ninh quốc gia và không ngừng đổi mới hướng dẫn chiến lược và hoạt động cụ thể những nhiệm vụ cơ bản sau:

(1) Đối phó hữu hiệu với các sự kiện đột xuất và những mối đe dọa về quân sự, bảo vệ vững chắc chủ quyền và an ninh trên không, trên biển và trên bộ của quốc gia.

(2) Kiên quyết bảo vệ sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

(3) Bảo vệ an ninh và lợi ích của Trung Quốc trong những lĩnh vực mới.

(4) Bảo vệ an toàn lợi ích của Trung Quốc ở nước ngoài.

(5) Duy trì khả năng răn đe chiến lược và năng lực tổ chức hành động phản kích hạt nhân.

(6) Tham gia hợp tác an ninh quốc tế và khu vực, và bảo vệ hòa bình thế giới và khu vực.

(7) Tăng cường chống thấm thấu, chống ly khai, đẩy mạnh cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố; bảo vệ an ninh chính trị quốc gia và ổn định trật tự xã hội.

(8) Đảm nhận các nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn thiên tai; bảo vệ quyền lợi; cảnh giới bảo đảm an ninh và hỗ trợ xây dựng kinh tế xã hội quốc gia.

(9) Chiến lược xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang.

5. Giải pháp xây dựng chiến lược quân sự

(1) Tăng cường công tác xây dựng tư tưởng và chính trị. Luôn đặt công tác xây dựng tư tưởng và chính trị ở vị trí đầu tiên trong việc xây dựng quân đội, củng cố và cải thiện công tác chính trị của quân đội trong tình hình mới.

(2) Thúc đẩy xây dựng hậu cần hiện đại. Cải cách hệ thống chính sách hậu cần và lực lượng hỗ trợ hậu cần, tối ưu hóa hậu cần chiến lược, đổi mới chế độ an ninh, phát triển các biện pháp bảo vệ mới, làm giàu dự trữ vận hành, hệ thống thông tin hậu cần dự trữ, cải thiện hệ thống quy định, bảo mật cung ứng và bảo đảm xây dựng hậu cần phục vụ trong chiến tranh hiện đại.

(3) Phát triển vũ khí và trang thiết bị tiên tiến. Tuân thủ lãnh đạo thông tin, xây dựng hệ thống, tuân thủ đổi mới độc lập và phát triển bền vững, tuân thủ quy hoạch tổng thể, nêu bật các điểm chính, tăng tốc quá trình nâng cấp vũ khí và trang thiết bị và xây dựng hệ thống vũ khí và trang bị đáp ứng các yêu cầu của chiến tranh thông tin.

(4) Làm tốt công tác đào tạo, tạo nguồn nhân lực. Thực hiện mạnh mẽ dự án chiến lược tài năng, cải thiện hệ thống nhân lực quân sự, đào sâu cải cách học viện quân sự và cải thiện hệ thống đào tạo nhân viên quân sự mới về giáo dục đại học quân sự, thực hành huấn luyện quân sự và giáo dục nghề nghiệp quân sự, thu hút nhiều tài năng hơn.

(5) Thúc đẩy sâu sắc luật pháp và quản lý chặt chẽ quân đội. Tập trung tăng cường toàn diện việc hiện đại hóa và chính quy hóa quân đội, đổi mới và phát triển lý thuyết và thực hành quản lý quân đội theo luật pháp, xây dựng một hệ thống pháp quyền quân sự hoàn hảo; nâng cao trình độ pháp trị trong quốc phòng và xây dựng quân đội. Tìm hiểu cơ chế chiến tranh hiện đại, đổi mới chiến lược và chiến thuật linh hoạt và di động, phát triển lý thuyết xây dựng quân đội trong tình hình mới và hình thành một hệ thống lý thuyết quân sự tiên tiến tương thích với chiến tranh trong tương lai.

(6) Tăng cường quản lý chiến lược. Tối ưu hóa chức năng và thiết lập thể chế của các cơ quan hàng đầu, cải thiện hệ thống quản lý lãnh đạo của các cấp quân đội. Tăng cường giám sát các nguồn lực chiến lược, kiểm soát rủi ro của các dự án lớn. Cải thiện cơ chế đánh giá và hệ thống đánh giá chiến lược và các tiêu chuẩn hỗ trợ.

(7) Cải thiện hoạt động chung và chế độ xây dựng của quân đội. Thiết lập sự lãnh đạo thống nhất, nâng cao trách nhiệm quản lý của các bộ quân sự liên quan, cải thiện hệ thống tiêu chuẩn chung cho quân đội và dân thường, và khám phá xây dựng đầu tư của chính phủ, ưu đãi thuế và hệ thống chính sách hỗ trợ tài chính

(8) Nâng cao cơ chế động viên quốc phòng. Tăng cường giáo dục quốc phòng. Tăng cường xây dựng lực lượng dự bị, tối ưu hóa cấu trúc của lực lượng dự

bị, tăng sức mạnh dự trữ của vũ khí và dịch vụ, đổi mới lực lượng dự bị. Xây dựng hệ thống động viên quốc phòng phù hợp với chiến tranh thông tin.

6. Chủ trương phát triển các Lực lượng

6.1. Lục quân

Lục quân Trung Quốc với chiến lược tác chiến cơ động và công-thủ lập thể, chuyển đổi mô hình “Phòng ngự khu vực” sang mô hình “Phòng ngự cơ động liên khu vực”; đẩy mạnh tái cơ cấu tổ chức, giảm về số lượng; đẩy nhanh tốc độ tinh gọn hóa, linh hoạt hóa, đa năng hóa, đáp ứng những yêu cầu nhiệm vụ khác nhau tại những khu vực khác nhau. Hệ thống sức mạnh chiến đấu đáp ứng với hình thức tác chiến liên hợp, hoạt động toàn cầu, nâng cao năng lực tác chiến đa năng, chính xác, lập thể, liên khu vực, cùng với khả năng duy trì tác chiến liên tục, lâu dài.

6.2. Hải quân

Hải quân Trung Quốc với chiến lược tác chiến “Phòng thủ ven bờ” và “Hộ vệ tâm xa”, từng bước chuyển đổi mô hình lực lượng hải quân từ “Phòng thủ ven bờ” sang kết hợp giữa “Phòng thủ ven bờ” và “Hộ vệ tâm xa”; xây dựng hệ thống tác chiến trên biển mang tính chất hợp thành, đa năng và hiệu quả. Nâng cao năng lực răn đe và phản kích chiến lược; nâng cao khả năng cơ động tác chiến và tác chiến liên hợp trên biển, khả năng phòng ngự tổng hợp và bảo đảm toàn diện trên biển. Phát triển khả năng kiểm soát, ngăn chặn đối phương tiếp cận các vùng biển; khả năng cơ động tác chiến viễn dương, phòng ngự tổng hợp, ứng phó hiệu quả những mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống.

Đẩy nhanh tiến độ phát triển tàu sân bay, ưu tiên hiện đại hóa lực lượng tàu ngầm chạy bằng năng lượng hạt nhân; tiếp tục nghiên cứu, phát triển tàu khu trục, hộ vệ tên lửa, vận tải đổ bộ được trang bị hệ thống vũ khí chống hạm, phòng không, chống ngầm hiện đại; trang bị đồng bộ hệ thống tên lửa hành trình chống hạm, hệ thống trinh sát, chỉ huy, điều khiển và thông tin cấp chiến thuật, chiến dịch, chiến lược đối với các loại tàu chiến nhằm nâng cao khả năng tác chiến liên hợp.

6.3. Không quân

Không quân Trung Quốc với chiến lược tác chiến công-thủ toàn diện và tác chiến không gian nhất thể để chuyển đổi từ mô hình không quân kiểu cũ, mang tính chất chú trọng về “Bảo vệ không phận quốc gia” sang mô hình “Kết hợp tấn công và phòng thủ không phận”. Xây dựng hệ thống lực lượng phòng thủ không gian đáp ứng yêu cầu chiến tranh thông tin hóa; nâng cao năng lực cảnh báo sớm chiến lược, khả năng tiến công tầm xa, tấn công trên không, phòng không/phòng thủ tên lửa, đối kháng thông tin, đổ bộ đường không, không vận chiến lược và bảo đảm tổng hợp.

Tiếp tục chuyển đổi sang mô hình tác chiến cấp lữ đoàn (liên đội) không quân. Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển các loại máy bay tiêm kích thế hệ mới có khả năng cơ động, tàng hình cao, mang được nhiều loại vũ khí; phát hiện, theo dõi mục tiêu chiến lược tầm xa, chống trinh sát và cảnh báo sớm của đối phương; nâng

cấp máy bay ném bom chiến lược tầm xa có khả năng mang tên lửa hành trình thế hệ mới; mua máy bay chiến đấu thế hệ mới của Nga để nâng cao khả năng tác chiến; phát triển các loại máy bay không người lái (UAV) được trang bị hệ thống trinh sát hiện đại.

6.4. Tên lửa chiến lược

Lực lượng Tên lửa chiến lược với chiến lược tác chiến tấn công hiệu quả và năng lực tấn công toàn diện vũ khí thông thường và vũ khí hạt nhân để tăng tốc chuyển đổi mô hình thông tin hóa, dựa vào khoa học công nghệ để thúc đẩy khả năng tự chủ sáng tạo về vũ khí, trang bị. Bảo đảm tăng cường tính an toàn, tính hiệu quả, đáng tin cậy của vũ khí tên lửa; hoàn thiện công tác xây dựng hệ thống lực lượng kết hợp thông thường và hạt nhân; nâng cao khả năng rắn đe và phản kích hạt nhân cùng với năng lực tấn công chính xác tầm trung/xa.

Thúc đẩy phát triển khoa học kỹ thuật, nghiên cứu, chế tạo, cải tiến vũ khí, trang bị có trọng điểm, nâng cao khả năng phản ứng nhanh, đột kích hỏa lực hiệu quả, từng bước nâng cao khả năng rắn đe chiến lược, phản kích hạt nhân, tiến công chính xác bằng tên lửa đạn đạo. Phát triển tên lửa siêu thanh, đạn đạo...; thành lập thêm các cơ sở tên lửa, nâng cấp hệ thống tên lửa cũ; phát triển phương thức phòng thủ tên lửa đạn đạo mới; đẩy mạnh hoạt động nâng cấp tên lửa đạn đạo liên lục địa, tên lửa phóng từ hầm ngầm có thể mang được nhiều đầu đạn dẫn đường độc lập, đưa vào biên chế thêm hệ thống phóng tên lửa lưu động, củng cố hệ thống phóng dưới hầm ngầm và di động.

6.5. Chi viện chiến lược

Ưu tiên phát triển khoa học công nghệ, cơ sở hạ tầng kỹ thuật; đẩy mạnh phát triển đón đầu các lĩnh vực then chốt như: Không gian vũ trụ, Tác chiến mạng, Tác chiến điện tử, Tác chiến điện từ, Tác chiến tâm lý,... từng bước nâng cao khả năng thực hiện nhiệm vụ của các lực lượng bảo đảm, tích hợp không gian chiến trường, nâng cao khả năng sinh tồn của hệ thống trinh sát, mở rộng không gian tác chiến, cải tiến phương tiện, xây dựng phương thức, thủ đoạn tác chiến mới...

6.6. Lực lượng cảnh sát vũ trang

Cảnh sát vũ trang Trung Quốc với chiến lược bảo đảm hoà bình, ổn định và yêu cầu tác chiến đa năng/nhất thể để phát triển năng lực chi viện trên không, bảo đảm an ninh, xử lý sự vụ đột xuất giữ gìn ổn định, chống khủng bố, cứu hộ thiên tai, ứng phó với các tình huống khẩn cấp. Xây dựng hệ thống lực lượng lấy khả năng đối phó với tình huống bất ngờ và chống khủng bố, bảo vệ hòa bình, ổn định làm chủ; nâng cao khả năng hoàn thành nhiều loại hình nhiệm vụ, lấy trọng tâm là đối phó tình huống đột xuất.

II. TỔNG QUAN CƠ CẤU TỔ CHỨC

1. Chức năng

Lực lượng vũ trang của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thuộc về nhân dân do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo; trực thuộc Quân ủy Trung ương Trung Quốc và chịu sự chỉ huy, quản lý toàn diện từ Quân ủy Trung ương Trung Quốc. Nhiệm vụ là củng cố quốc phòng, chống xâm lược, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo vệ hòa bình của nhân dân, tham gia vào sự nghiệp xây dựng của quốc gia và hết lòng phục vụ nhân dân.

2. Tổ chức chung

Lực lượng vũ trang của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa chịu sự quản lý toàn diện của Quân ủy Trung ương Trung Quốc gồm:

(1) Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc gồm lực lượng chính thức và lực lượng dự bị có nhiệm vụ tác chiến liên hợp, bảo vệ an ninh quốc gia gồm:

- Lực lượng chính thức: Lục quân, Hải quân, Không quân, Tên lửa Chiến lược, Chi viện Chiến lược, Bảo đảm Hậu cần liên hợp.

- Lực lượng bán quân sự và dự bị.

(2) Cảnh sát Vũ trang nhân dân Trung Quốc có nhiệm vụ chính là bảo vệ an ninh và duy trì trật tự xã hội.

(3) Dân quân với nhiệm vụ chính là sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng phòng thủ và hỗ trợ duy trì trật tự xã hội.

Bộ Quốc phòng và Bộ Công an trực thuộc Chính phủ Trung Quốc sẽ không trực tiếp chỉ huy, quản lý và xây dựng lực lượng vũ trang nữa (nhiệm vụ này thuộc về Quân ủy Trung ương Trung Quốc) mà chỉ thực hiện nhiệm vụ là quản lý Nhà nước về lĩnh vực an ninh, quốc phòng, tình báo, đối nội, đối ngoại quân sự, quản lý các dịch vụ công theo quy định.

3. Cơ chế hoạt động

Lực lượng vũ trang Trung Quốc hoạt động theo nguyên tắc bảo đảm và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng Cộng sản Trung Quốc về mọi mặt mà trực tiếp ở đây là Quân ủy Trung ương Trung Quốc quản lý và xây dựng toàn diện mọi hoạt động trong quân đội. Để đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng, các cấp ủy đảng trong lực lượng vũ trang thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tổ chức mô hình Chính ủy, chính trị viên theo các cấp hoạt động thống nhất.

Quân ủy Trung ương Trung Quốc thực hiện theo cơ chế chỉ huy tác chiến liên hợp hình thành cục diện **“Quân ủy quản Tổng, Chiến khu chủ chiến, Quân chủng chủ kiến”**. Bảo đảm hệ thống lãnh đạo và chỉ huy tác chiến liên hợp gồm 3 lớp **“Quân ủy Trung ương - Chiến khu - Quân đoàn và người lính”** và hệ thống quản lý, xây dựng theo 3 lớp **“Quân ủy Trung ương - Quân chủng - Quân đoàn và người lính”**. Từ bỏ hoàn toàn mô hình quân đội của Liên Xô; tiếp thu, kế thừa và chỉnh sửa theo mô hình quân đội của Hoa Kỳ.

Quân ủy quản Tổng là xây dựng các cơ quan chiến lược tham mưu, giúp việc có chức năng quản lý Nhà nước về lĩnh vực theo chuyên ngành.

Chiến khu chủ chiến là xây dựng 05 Chiến khu chiến lược, chịu trách nhiệm chỉ huy tác chiến liên hợp trong khu vực phụ trách, không còn quản lý công tác hàng ngày bộ đội, chỉ có đủ công năng với bộ khung là Bộ Tư lệnh, quy mô cơ quan được thu gọn.

Quân chủng chủ kiến là xây dựng 05 quân chủng (*Lục quân, Hải quân, Không quân, Tên lửa chiến lược, Chi viện chiến lược*) và lực lượng Bảo đảm hậu cần liên hợp với nhiệm vụ chính là quản lý, xây dựng quân đội, không còn đảm nhiệm chỉ huy tác chiến.

4. Lãnh đạo, chỉ huy điều hành

Hiến pháp Trung Quốc quy định chỉ có Đảng Cộng sản Trung Quốc (mà trực tiếp là Bộ Chính trị) mới có quyền chỉ định thành viên của Quân ủy Trung ương Trung Quốc. Quân ủy Trung ương Trung Quốc là cơ quan thường trực, hoạt động định kỳ, thường xuyên. Trên danh nghĩa Quân ủy Trung ương Trung Quốc là thống lĩnh tối cao các lực lượng vũ trang Trung Quốc nhưng trên thực tế, Chủ tịch Quân ủy Trung ương Trung Quốc mới là người thống lĩnh thật sự.

Quân ủy Trung ương Trung Quốc bàn bạc và quyết định tất cả các vấn đề về quân sự và quốc phòng của đất nước mà không cần phải tham vấn ý kiến của Bộ Chính trị, Trung ương Đảng, Quốc hội hoặc Chính hiệp. Trong nghị sự, chỉ có các thành viên thường trực mới có quyền biểu quyết.

Quân ủy Trung ương Trung Quốc hiện nay gồm 07 thành viên thường trực được bố trí cụ thể như sau:

Chủ tịch Quân ủy Trung ương là Tổng bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc kiêm Chủ tịch nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương: Thường có số lượng là 02 người, chức vụ tương đương với Phó Thủ tướng Chính phủ với trần quân hàm là Thượng tướng.

Ủy viên Quân ủy Trung ương: Thường có số lượng 04 người, thường là kiêm nhiệm giữ các chức vụ chủ chốt như: Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tham mưu trưởng Bộ tham mưu liên hợp QUTW, Chủ nhiệm Bộ Công tác Chính trị QUTW, Bí thư Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật QUTW.

Tất cả các thành viên Quân ủy Trung ương đều do Thường vụ Bộ Chính trị chỉ định. Việc bổ nhiệm thành viên Quân ủy Trung ương được thực hiện theo nguyên tắc “7 lên, 8 xuống”. Nghĩa là tuổi bổ nhiệm tối đa là 67 tuổi, tuổi miễn nhiệm là 68 tuổi.

III. TỔ CHỨC ĐẢNG

1. Theo ngành dọc

(1) **Đảng Cộng sản Trung Quốc** là cao nhất.

(2) **Quân ủy Trung ương** thuộc Đảng Cộng sản Trung Quốc là cơ quan lãnh đạo của Đảng trong lực lượng vũ trang bao gồm Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc, Cảnh sát Vũ trang Nhân dân Trung Quốc và Dân quân Trung Quốc.

(3) **Bộ Công tác Chính trị** thuộc Quân ủy Trung ương Trung Quốc là cơ quan tham mưu cho Quân ủy Trung ương về công tác đảng, công tác chính trị trong Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc.

(4) **Bộ Công tác Chính trị** thuộc 05 Chiến khu; Quân chủng Lục quân; Quân chủng Hải quân; Quân chủng Không quân; Quân chủng Tên lửa; Quân chủng Chi viện Chiến lược; BTL Cảnh sát Vũ trang nhân dân Trung Quốc.

(5) **Bộ Công tác Chính trị** thuộc Bộ Tư lệnh ngành (Lục quân, Hải quân, Không quân) Chiến khu và tương đương;

(6) **Cục Công tác Chính trị** thuộc Quân đoàn (Tập đoàn quân), Quân khu Tỉnh và tương đương.

(7) **Phòng Công tác Chính trị** thuộc Sư đoàn, Lữ đoàn, Bộ CHQS Địa cấp thị và tương đương.

(8) **Ban Công tác Chính trị** thuộc Trung đoàn, Ban CHQS huyện/quận và tương đương.

2. Lãnh đạo trực tiếp

(1) **Đảng Cộng sản Trung Quốc** là cao nhất

(2) **Đảng bộ Quân ủy Trung ương** thuộc Đảng Cộng sản Trung Quốc là tổ chức Đảng bộ cao nhất trong lực lượng vũ trang bao gồm Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc, Cảnh sát Vũ trang Nhân dân Trung Quốc và Dân quân Trung Quốc.

(3) **Đảng bộ Chiến khu/Quân chủng** và tương đương thuộc Đảng bộ Quân ủy Trung ương Trung Quốc.

(4) **Đảng bộ Bộ Tư lệnh Ngành (Lục quân, Hải quân, Không quân) Chiến khu** và tương đương thuộc Đảng bộ Quân chủng.

(5) **Đảng bộ Quân đoàn** và tương đương thuộc Đảng bộ Bộ Tư lệnh Ngành.

(6) **Đảng bộ Sư đoàn, Lữ đoàn** và tương đương thuộc Đảng bộ Quân đoàn, Quân khu Tỉnh.

(7) **Đảng bộ Trung đoàn, Tiểu đoàn** và tương đương thuộc Đảng bộ Sư đoàn, Lữ đoàn.

(8) **Đảng bộ Đại đội** và tương đương thuộc Đảng bộ Tiểu đoàn.

(9) **Chi bộ Trung đội** và tương đương thuộc Đảng bộ Đại đội.

IV. TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN

Từ năm 2016, cơ cấu tổ chức của lực lượng vũ trang Trung Quốc được cải tổ. Theo đó, Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc trước đây thuộc sự quản lý trực tiếp của Bộ Quốc phòng và Cảnh sát Vũ trang Trung Quốc; nhưng sau khi thay đổi thì được điều chuyển về trực thuộc Quân ủy Trung ương Trung Quốc.

Chủ tịch Quân ủy Trung ương có quyền chỉ huy tối cao và tuyệt đối, chỉ huy tác chiến 05 chiến khu, quản lý xây dựng 05 quân chủng thực hiện nhiệm vụ tác chiến liên hợp và xây dựng lực lượng.

Quyền lực điều hành được phân tán và thay đổi, lập ra hai chuỗi mệnh lệnh riêng biệt (*chuỗi mệnh lệnh tác chiến và chuỗi mệnh lệnh quản lý*). Các cơ quan chức năng tham mưu, giúp việc thuộc Quân ủy (15 cơ quan) được tinh giản, gọn nhẹ chỉ làm công tác tham mưu, kiểm tra, giám sát, chỉ đạo, không còn quản lý các đơn vị cơ sở.

Hệ thống chỉ huy tác chiến rút gọn từ 4 cấp xuống còn 2 cấp, từ bỏ mô hình tác chiến sư đoàn, xây dựng mô hình lữ đoàn hỗn hợp, lấy tiểu đoàn làm trung tâm. Điều chỉnh tỷ lệ quân số giữa các lực lượng, chuyển từ coi trọng Lục quân sang Hải quân, Không quân, Tên lửa chiến lược và Tác chiến điện tử, Không gian mạng.

Vai trò, nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng giảm mạnh, chỉ còn đảm nhiệm một số nhiệm vụ như đối ngoại và quản lý nhà nước đối với các cơ quan phi tác chiến như nhà trường, bệnh viện và điều phối giữa quân đội và chính quyền dân sự.

* *Quân ủy Trung ương Trung Quốc (viết tắt QUTWTQ)*

* *Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc (viết tắt PLA)*

1. Lãnh đạo, chỉ huy điều hành

- Chủ tịch Quân ủy Trung ương Trung Quốc;
- 02 Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương Trung Quốc;
- 04 Ủy viên Quân ủy Trung ương Trung Quốc.

2. Khối Cơ quan chức năng trực thuộc QUTW Trung Quốc

- (1) Văn phòng Quân ủy Trung ương (中央军委办公厅)
- (2) Bộ Tham mưu Liên hợp (联合参谋部)
- (3) Bộ Công tác Chính trị (政治工作部)
- (4) Bộ Bảo đảm Hậu cần (后勤保障部)
- (5) Bộ Phát triển Trang bị (装备发展部)
- (6) Bộ Quản lý Huấn luyện (训练管理部)
- (7) Bộ Động viên Quốc phòng (国防动员部)
- (8) Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (纪律检查委员会)

- (9) Ủy ban Chính trị và Pháp luật (政法委员会)
- (10) Ủy ban Khoa học và Công nghệ (科学技术委员会)
- (11) Văn phòng Quy hoạch Chiến lược (战略规划办公室)
- (12) Văn phòng Cải cách và Biên chế (改革和编制办公室)
- (13) Văn phòng Hợp tác Quân sự Quốc tế (国际军事合作办公室)
- (14) Cơ quan Kiểm toán (审计署)
- (15) Tổng cục Nội vụ Cơ quan Quân ủy (机关事务管理总局)

3. Khối Quân chủng trực thuộc QUTW Trung Quốc

- (1) Quân chủng Lục quân (中国人民解放军陆军)
- (2) Quân chủng Hải quân (中国人民解放军海军)
- (3) Quân chủng Không quân (中国人民解放军空军)
- (4) Quân chủng Tên lửa (中国人民解放军火箭军)
- (5) Quân chủng Chi viện Chiến lược (中国人民解放军战略支援部队)
- (6) Bộ Tư lệnh Bảo đảm Hậu cần Liên hợp (中央军委联勤保障部队)
- (7) Bộ Tư lệnh Cảnh sát Vũ trang (中国人民武装警察部队)

4. Khối Chiến khu trực thuộc QUTW Trung Quốc

- (1) Chiến khu Trung ương (中国人民解放军中部战区)
- (2) Chiến khu Đông bộ (中国人民解放军东部战区)
- (3) Chiến khu Tây bộ (中国人民解放军西部战区)
- (4) Chiến khu Nam bộ (中国人民解放军南部战区)
- (5) Chiến khu Bắc bộ (中国人民解放军北部战区)

5. Các cơ quan khác trực thuộc QUTW Trung Quốc

- (1) Đại học Quốc phòng PLA (中国人民解放军国防大学)
- (2) Học viện Khoa học Quân sự PLA (中国人民解放军军事科学院)
- (3) Đại học Công nghệ Quốc phòng PLA (中国人民解放军国防科技大学)

V. TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ

1. Quân số

1.1. Lực lượng thường trực: 2.035.000 người

Lục quân	: 960.000 người
Hải quân	: 225.000 người
Không quân	: 400.000 người
Thủy quân lục chiến	: 40.000 người
Tên lửa	: 120.000 người
Chi viện chiến lược	: 140.000 người
Bảo đảm Hậu cần liên hợp	: 150.000 người

1.2. Lực lượng bán quân sự và dự bị: 500.000 người

1.3. Lực lượng dân quân: 8.000.000 người

1.4. Lực lượng An ninh: 1.300.000 người

- Cảnh sát Vũ trang: 500.000 người
- Công an, An ninh thuộc Bộ Công an: 800.000 người

1.5. Lực lượng động viên quốc phòng: 700 triệu người

2. Tổ chức, biên chế

2.1. Cơ quan, đơn vị trực thuộc QUTW: 06 Bộ (*Tham mưu liên hợp, Công tác chính trị, Bảo đảm Hậu cần, Phát triển Trang bị, Quản lý Huấn luyện, Động viên Quốc phòng*); 04 Văn phòng (*QUTW; Quy hoạch Chiến lược; Cải cách và Biên chế; Hợp tác Quân sự Quốc tế*); 03 Ủy ban (*Kiểm tra Kỷ luật; Chính trị và Pháp luật; Khoa học và Công nghệ*); 01 Tổng cục Nội vụ Cơ quan Quân ủy; 01 cơ quan kiểm toán QUTW; 05 Quân chủng (*Lục quân, Hải quân, Không quân, Tên lửa, Chi viện Chiến lược*); 02 Bộ Tư lệnh (*Bảo đảm Hậu cần liên hợp; Cảnh sát Vũ trang*); 05 Chiến khu (*Trung ương, Đông, Tây, Nam, Bắc*); 01 Học viện Khoa học Quân sự; 02 Đại học (*Quốc phòng; Công nghệ Quốc phòng*).

2.2. Lực lượng Lục quân

- Bộ Tư lệnh Lục quân Chiến khu (05); Quân khu trực thuộc Quân chủng Lục quân (03).
- Quân đoàn (tập đoàn quân): 13.
- Sư đoàn (07): Bộ binh (05); BBCG (01); Pháo binh độc lập (01).
- Lữ đoàn (159): Bộ binh (03); BBCG (78); Xe tăng (01); Pháo binh (14); Tác chiến đặc biệt (15); Đột kích đường không (02); Tác chiến điện tử (03); Công binh phòng hóa (15); Chi viện bảo đảm (15); Không quân lục quân (13).

- Trung đoàn (14): Bộ binh (04); Đặc nhiệm (01); Pháo binh độc lập (08); Tăng thiết giáp (01).

2.3. Lực lượng Hải quân

- Bộ Tư lệnh Hải quân Chiến khu hay gọi là Hạm đội Hải quân (03).

- Quân đoàn Thủy quân Lục chiến (01).

- Sư đoàn (17): Tiêm cường kích (06); Ném bom rải lô (03); Tiêm kích bom (02); Tiêm kích (01); Huấn luyện (03); Trinh sát (02).

- Lữ đoàn (51): Tàu ngầm hạt nhân (03); Tàu ngầm diesel – điện (04); Tàu khu trục (07); Tàu hộ vệ tên lửa (07); Tàu chi viện, bảo đảm (02); Tàu tên lửa tấn công nhanh (01); Tàu cứu hộ, cứu nạn (02); Tàu vận tải đổ bộ (02); Tàu huấn luyện (01); Tàu tuần tiễu phóng lô (02); Tàu tuần tiễu (02); Bảo vệ bờ biển (03); Radar (03); Tên lửa phòng không hải quân (02); Hải quân đánh bộ (06); Tác chiến đặc biệt (01); Không quân trực thăng (01); Công binh phòng hóa (01); Bảo đảm chi viện (01).

- Hải đội (11): Tàu săn ngầm độc lập (01); Tàu tuần tiễu độc lập (09); Tàu khu trục (01).

- Khu thủy cảnh (08). Căn cứ tàu ngầm hạt nhân (02).

- Trung đoàn (04): Không quân ném bom (02); Không quân vận tải (01); Không quân trinh sát (01).

- Liên đội không quân hạm (02). Tiểu đoàn tên lửa bờ đối hạm (04).

2.4. Lực lượng Không quân

- Bộ Tư lệnh Không quân Chiến khu (05).

- Quân đoàn Dù hay gọi là Đổ bộ đường không (01) gồm: Lữ đoàn đổ bộ đường không (06); Lữ đoàn đặc nhiệm (01); Lữ đoàn vận tải hàng không (01); Lữ đoàn bảo đảm chi viện (01).

- Căn cứ Không quân cấp Quân đoàn (04).

- Sư đoàn (21): Không quân ném bom (03); Không quân cường kích (01); Không quân Tiêm kích (07); Không quân đặc nhiệm (03); Không quân hỗn hợp (01); Không quân vận tải (03); UAV (01); Tên lửa phòng không (02).

- Căn cứ cấp Sư đoàn (06).

- Lữ đoàn (132): Không quân tiêm kích (52); Không quân cường kích (04); Không quân tiêm-cường kích (04); Không quân vận tải cứu hộ (04); Không quân trực thăng (01); UAV (01); Radar (27); Tên lửa phòng không/Quân đoàn (13); Tên lửa phòng không độc lập/Chiến khu (25); Radar phòng không (01).

- Trung đoàn (21): Không quân trực thăng (02); Máy bay tác chiến điện tử (04); Máy bay trinh sát-giám sát (02); Máy bay chỉ huy-cảnh báo sớm (02); Radar phòng không (11).

2.5. Lực lượng Tên lửa

- Căn cứ tên lửa cấp quân đoàn (09).
- Lữ đoàn tên lửa chiến lược (39).
- Căn cứ tên lửa cấp trung, lữ đoàn (02).

2.6. Lực lượng Chi viện Chiến lược

- Bộ Tư lệnh Hệ thống Mạng (01) gồm 12 Cục trực thuộc.
- Bộ Tư lệnh Hệ thống Không gian-Vũ trụ (01) gồm: Căn cứ phóng vệ tinh tên lửa (04); Cơ quan theo dõi, điều khiển vệ tinh (03); Cơ quan tình báo, giám sát, trinh sát không gian (03).
- Trung tâm Chi viện chiến lược/Chiến khu (05).

2.7. Lực lượng Bảo đảm Hậu cần Liên hợp

- Trung tâm Bảo đảm Hậu cần liên hợp (01).
- Căn cứ Bảo đảm Hậu cần liên hợp (05).

2.8. Lực lượng Động viên Quốc phòng

Quân khu cấp Tỉnh, Thành phố (28).

2.9. Lực lượng Bán quân sự và dự bị

Sư đoàn khung (60).

2.10. Lực lượng Cảnh sát vũ trang

- Quân đoàn Cảnh sát Cơ động (02) gồm Chi đội (Lữ đoàn) vũ cảnh (30).
- Quân đoàn Cảnh sát biển (01) gồm: Bộ Chỉ huy Hải cảnh Vùng (03); Chi đội hải cảnh (06); Chi đội hải cảnh địa phương (11); Căn cứ huấn luyện (03).

VI. TRẦN QUÂN HÀM, NHÓM CHỨC VỤ

1. Tổng quan

Quân đội Trung Quốc tiếp tục duy trì với hệ thống cấp bậc quân hàm sĩ quan gồm 10 bậc gồm: *Thiếu úy, Trung úy, Thượng úy, Thiếu tá, Trung tá, Thượng tá, Đại tá, Thiếu tướng, Trung tướng, Thượng tướng*. Đối với quân hàm Đại tướng và Đại úy, Quân đội Trung Quốc hiện nay không áp dụng. Như vậy, quân hàm Thượng tướng là quân hàm cao nhất hiện nay của Quân đội Trung Quốc.

2. Tóm tắt Trần Quân hàm, Nhóm Chức vụ

2.1. Cấp 1. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quân ủy Trung ương (**cấp Quốc gia**): Không quân hàm.

2.2. Cấp 2. Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương (**cấp Quốc gia**): Thượng tướng.

2.3. Cấp 3. Ủy viên Quân ủy Trung ương, Tham mưu trưởng Bộ Tham mưu Liên hợp QUTW, Chủ nhiệm Bộ Công tác Chính trị QUTW, Bí thư Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật QUTW (**cấp Quốc gia**): Thượng tướng.

2.4. Cấp 4. Ủy viên Quân ủy Trung ương, Tư lệnh/Chính ủy Chiến khu/Quân chủng QUTW và tương đương (**cấp Tỉnh/Bộ/Khu Tự trị**): Thượng tướng.

2.5. Cấp 5. Tư lệnh/Chính ủy Bộ Tư lệnh ngành (Lục quân, Hải quân, Không quân) và tương đương (**cấp Phó của Tỉnh/Bộ/Khu Tự trị**): Trung tướng

2.6. Cấp 6. Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy Bộ Tư lệnh ngành (Lục quân, Hải quân, Không quân) Chiến khu và tương đương (**cấp Địa cấp thị/TP trực thuộc Tỉnh**): Trung tướng.

2.7. Cấp 7. Tư lệnh/Chính ủy Quân khu Tỉnh, Tập đoàn quân (Quân đoàn) và tương đương (**cấp Phó của Địa cấp thị/TP trực thuộc Tỉnh**): Thiếu tướng.

2.8. Cấp 8. Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy Quân khu Tỉnh, Tập đoàn quân (Quân đoàn), Sư đoàn trưởng chủ lực và tương đương (**cấp Huyện cấp thị**): Thiếu tướng.

2.9. Cấp 9. Sư đoàn trưởng, Lữ đoàn trưởng và tương đương (**cấp Phó Huyện cấp thị; Huyện/Quận; Bộ CHQS Địa cấp thị/TP trực thuộc Tỉnh**): Đại tá.

2.10. Cấp 10. Phó Lữ đoàn trưởng, Trung đoàn trưởng và tương đương (**cấp Ban CHQS huyện/quận**): Thượng tá.

2.11. Cấp 11. Phó Trung đoàn trưởng, Tiểu đoàn trưởng và tương đương (**cấp xã/phường**): Trung tá.

2.12. Cấp 12. Phó Tiểu đoàn trưởng, Đại đội trưởng và tương đương (**cấp BCHQS xã/phường**): Thiếu tá.

2.13. Cấp 13. Phó Đại đội trưởng và tương đương: Thượng úy.

2.14. Cấp 14. Trung đội trưởng và tương đương: Thượng úy.

3. Trần quân hàm và nhóm chức vụ cụ thể

3.1. Cấp 1. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quân ủy Trung ương (**cấp Quốc gia**): Không quân hàm.

Ủy viên Bộ Chính trị BCHTW Đảng Cộng sản Trung Quốc

- **Chủ tịch** QUTW Trung Quốc.

- Trung tâm Chỉ huy tác chiến liên hợp QUTW Trung Quốc (cấp 1).

3.2. Cấp 2. Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương (**cấp Quốc gia**): Thượng tướng.

Ủy viên Bộ Chính trị BCHTW Đảng Cộng sản Trung Quốc

- **Phó Chủ tịch** Quân ủy Trung ương (02).

3.3. Cấp 3. Ủy viên Quân ủy Trung ương, Tham mưu trưởng Bộ Tham mưu Liên hợp QUTW, Chủ nhiệm Bộ Công tác Chính trị QUTW, Bí thư Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật QUTW (**cấp Quốc gia**): Thượng tướng.

Ủy viên Quân ủy Trung ương Trung Quốc.

- **Bộ trưởng** Bộ Quốc phòng (*Lưu ý: Không còn Thứ trưởng BQP*).
- **Tham mưu trưởng** (01) Bộ Tham mưu Liên hợp QUTW.
- **Chủ nhiệm** (01) Bộ Công tác Chính trị QUTW.
- **Bí thư** (01) Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật QUTW.

3.4. Cấp 4. Ủy viên Quân ủy Trung ương, Tư lệnh/Chính ủy của Chiến khu/Quân chủng QUTW và tương đương (**cấp Tỉnh/Bộ/Khu Tự trị**): Thượng tướng.

- **Tư lệnh, Chính ủy** (12): Quân chủng Lục quân; Quân chủng Hải quân; Quân chủng Không quân; Quân chủng Tên lửa; Quân chủng Chi viện Chiến lược; BTL Cảnh sát Vũ trang nhân dân Trung Quốc.

- **Tư lệnh, Chính ủy** (10): Chiến khu Trung ương; Chiến khu Đông bộ; Chiến khu Tây bộ; Chiến khu Nam bộ; Chiến khu Bắc bộ.

- **Hiệu trưởng** (01): Đại học Quốc phòng PLA.

- **Giám đốc** (01); Học viện Khoa học Quân sự PLA.

3.5. Cấp 5. Tư lệnh/Chính ủy Bộ Tư lệnh ngành (Lục quân, Hải quân, Không quân) và tương đương (**cấp Phó của Tỉnh/Bộ/Khu Tự trị**): Trung tướng

- **Phó Tham mưu trưởng:** Bộ Tham mưu Liên hợp QUTW.

- **Phó Chủ nhiệm:** Bộ Công tác Chính trị QUTW.

- **Phó Bí thư:** Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật QUTW.

- **Phó Tư lệnh, Phó Chính ủy:** Quân chủng Lục quân; Quân chủng Hải quân; Quân chủng Không quân; Quân chủng Tên lửa; Quân chủng Chi viện Chiến lược; BTL Cảnh sát Vũ trang nhân dân Trung Quốc.

- **Phó Tư lệnh, Phó Chính ủy:** Chiến khu Trung ương; Chiến khu Đông bộ; Chiến khu Tây bộ; Chiến khu Nam bộ; Chiến khu Bắc bộ.

- **Tư lệnh, Chính ủy** (04): BTL Hệ thống Mạng/Quân chủng Chi viện Chiến lược; BTL Hệ thống Không gian - Vũ trụ/ Quân chủng Chi viện Chiến lược.

- **Tư lệnh, Chính ủy Bộ Tư lệnh Lục quân** (10): Chiến khu Trung ương; Chiến khu Đông bộ; Chiến khu Tây bộ; Chiến khu Nam bộ; Chiến khu Bắc bộ.

- **Tư lệnh, Chính ủy Bộ Tư lệnh Hải quân (hoặc Hạm Đội)** (06): Chiến khu Đông bộ; Chiến khu Nam bộ; Chiến khu Bắc bộ.

- **Tư lệnh, Chính ủy Bộ Tư lệnh Không quân** (10): Chiến khu Trung ương; Chiến khu Đông bộ; Chiến khu Tây bộ; Chiến khu Nam bộ; Chiến khu Bắc bộ.

- **Chủ nhiệm, Chính ủy (08):** Bộ Bảo đảm Hậu cần; Bộ Phát triển Trang bị; Bộ Quản lý Huấn luyện; Bộ Động viên Quốc phòng.

- **Tư lệnh, Chính ủy (02):** Bộ Tư lệnh Bảo đảm Hậu cần Liên hợp.

- **Chính ủy (01):** Đại học Quốc phòng PLA; Học viện Khoa học Quân sự PLA.

- **Chủ nhiệm (02):** Văn phòng Quân ủy Trung ương Trung Quốc; Ủy ban Khoa học và Công nghệ;

- **Bí thư (01):** Ủy ban Chính trị và Pháp luật.

- **Tham mưu trưởng Bộ Tham mưu Liên hợp** trực thuộc (05): Chiến khu Trung ương; Chiến khu Đông bộ; Chiến khu Tây bộ; Chiến khu Nam bộ; Chiến khu Bắc bộ.

- **Chủ nhiệm Bộ Công tác Chính trị** trực thuộc (05): Chiến khu Trung ương; Chiến khu Đông bộ; Chiến khu Tây bộ; Chiến khu Nam bộ; Chiến khu Bắc bộ.

- **Tham mưu trưởng Bộ Tham mưu** trực thuộc (06): Quân chủng Lục quân; Quân chủng Hải quân; Quân chủng Không quân; Quân chủng Tên lửa; Quân chủng Chi viện Chiến lược; BTL Cảnh sát Vũ trang nhân dân Trung Quốc.

- **Chủ nhiệm Bộ Công tác Chính trị** trực thuộc (06): Quân chủng Lục quân; Quân chủng Hải quân; Quân chủng Không quân; Quân chủng Tên lửa; Quân chủng Chi viện Chiến lược; BTL Cảnh sát Vũ trang nhân dân Trung Quốc.

- **Bí thư Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật** trực thuộc (06): Quân chủng Lục quân; Quân chủng Hải quân; Quân chủng Không quân; Quân chủng Tên lửa; Quân chủng Chi viện Chiến lược; BTL Cảnh sát Vũ trang nhân dân Trung Quốc.

- **Tư lệnh, Chính ủy (04):** Quân khu Tân Cương PLA; Quân khu Tây Tạng PLA; Quân đồn trú Bắc Kinh.

3.6.1. Cấp 6. Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy Bộ Tư lệnh ngành (Lục quân, Hải quân, Không quân) và tương đương (**cấp Địa cấp thị/TP trực thuộc Tỉnh**): Trung tướng

- **Chủ nhiệm (03):** Văn phòng Quy hoạch Chiến lược; Văn phòng Cải cách và Biên chế; Văn phòng Hợp tác Quân sự Quốc tế.

- **Tổng cục trưởng, Chính ủy (02):** Tổng cục Nội vụ Cơ quan Quân ủy.

- **Tổng Kiểm toán (01):** Kiểm toán Quân ủy Trung ương Trung Quốc.

- **Hiệu trưởng, Chính ủy (02):** Đại học Công nghệ Quốc phòng PLA.

- **Chánh án:** Tòa án Quân sự PLA/Ủy ban Chính trị và Pháp luật.

- **Viện trưởng:** Viện Kiểm sát Quân sự PLA/Ủy ban Chính trị và Pháp luật.

- **Cục trưởng các Cục loại 1:** trực thuộc Bộ Tham mưu Liên hợp QUTW, Bộ Công tác Chính trị QUTW.

3.6.2. Cấp 6. Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy Bộ Tư lệnh ngành (Lục quân, Hải quân, Không quân) và tương đương (**cấp Địa cấp thị/TP trực thuộc Tỉnh**): Thiếu tướng

- **Phó Tư lệnh, Phó Chính ủy Bộ Tư lệnh Lục quân:** Chiến khu Trung ương; Chiến khu Đông bộ; Chiến khu Tây bộ; Chiến khu Nam bộ; Chiến khu Bắc bộ.

- **Phó Tư lệnh, Phó Chính ủy Bộ Tư lệnh Hải quân:** Chiến khu Đông bộ; Chiến khu Nam bộ; Chiến khu Bắc bộ.

- **Phó Tư lệnh, Phó Chính ủy Bộ Tư lệnh Không quân:** Chiến khu Trung ương; Chiến khu Đông bộ; Chiến khu Tây bộ; Chiến khu Nam bộ; Chiến khu Bắc bộ.

- **Phó Tư lệnh, Phó Chính ủy:** BTL Hệ thống Mạng/Quân chủng Chi viện Chiến lược; BTL Hệ thống Không gian - Vũ trụ/ Quân chủng Chi viện Chiến lược.

- **Phó Tư lệnh, Phó Chính ủy:** Quân khu Tân Cương PLA; Quân khu Tây Tạng PLA.

- **Phó Bí thư:** Ủy ban Chính trị và Pháp luật.

- **Phó Chủ nhiệm:** Văn phòng Quân ủy Trung ương Trung Quốc; Ủy ban Khoa học và Công nghệ;

- **Phó Tư lệnh, Phó Chính ủy (02):** Bộ Tư lệnh Bảo đảm Hậu cần Liên hợp.

- **Phó Tham mưu trưởng Bộ Tham mưu Liên hợp trực thuộc (05):** Chiến khu Trung ương; Chiến khu Đông bộ; Chiến khu Tây bộ; Chiến khu Nam bộ; Chiến khu Bắc bộ.

- **Phó Chủ nhiệm Bộ Công tác Chính trị trực thuộc (05):** Chiến khu Trung ương; Chiến khu Đông bộ; Chiến khu Tây bộ; Chiến khu Nam bộ; Chiến khu Bắc bộ.

- **Phó Tham mưu trưởng Bộ Tham mưu trực thuộc (06):** Quân chủng Lục quân; Quân chủng Hải quân; Quân chủng Không quân; Quân chủng Tên lửa; Quân chủng Chi viện Chiến lược; BTL Cảnh sát Vũ trang nhân dân Trung Quốc.

- **Phó Chủ nhiệm Bộ Công tác Chính trị trực thuộc (06):** Quân chủng Lục quân; Quân chủng Hải quân; Quân chủng Không quân; Quân chủng Tên lửa; Quân chủng Chi viện Chiến lược; BTL Cảnh sát Vũ trang nhân dân Trung Quốc.

- **Phó Bí thư Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật trực thuộc (06):** Quân chủng Lục quân; Quân chủng Hải quân; Quân chủng Không quân; Quân chủng Tên lửa; Quân chủng Chi viện Chiến lược; BTL Cảnh sát Vũ trang nhân dân Trung Quốc.

- **Chủ nhiệm Bộ Bảo đảm Hậu cần trực thuộc 05** Chiến khu; 06 Quân chủng;

- **Chủ nhiệm Bộ Trang bị trực thuộc 05** Chiến khu; 06 Quân chủng;

.....

3.7. Cấp 7. Tư lệnh/Chính ủy Quân khu Tỉnh, Tập đoàn quân (Quân đoàn) và tương đương (**cấp Phó của Địa cấp thị/TP trực thuộc Tỉnh**): Thiếu tướng

- **Tư lệnh, Chính ủy:** các Quân đoàn (Tập đoàn quân); các Quân khu Tỉnh/Bộ Động viên Quốc phòng; Quân đoàn Thủy quân Lục chiến trực thuộc Quân chủng Hải quân PLA; Quân đoàn Dù trực thuộc Quân chủng Không quân PLA
- **Tư lệnh, Chính ủy:** các Căn cứ Tên lửa/BTL Tên lửa.
- **Tư lệnh, Chính ủy Bộ Tư lệnh Không quân Hải quân/BTL Hải quân các Chiến khu Đông, Nam, Bắc.**
- **Tư lệnh, Chính ủy:** Quân đoàn Cảnh sát biển, Quân đoàn Cảnh sát cơ động 1,2 thuộc BTL Cảnh sát Vũ trang QUTW.
- **Phó Chủ nhiệm:** Văn phòng Quy hoạch Chiến lược; Văn phòng Cải cách và Biên chế; Văn phòng Hợp tác Quân sự Quốc tế.
- **Phó Tổng cục trưởng, Phó Chính ủy:** Tổng cục Nội vụ Cơ quan Quân ủy.
- **Phó Tổng Kiểm toán:** Kiểm toán Quân ủy Trung ương Trung Quốc.
- **Phó Hiệu trưởng, Phó Chính ủy:** Đại học Công nghệ Quốc phòng PLA.
- **Phó Chánh án:** Tòa án Quân sự PLA/Ủy ban Chính trị và Pháp luật.
- **Phó Viện trưởng:** Viện Kiểm sát Quân sự/Ủy ban Chính trị và Pháp luật.
- Các Cục thuộc BTL Hệ thống Mạng/Quân chủng Chi viện Chiến lược.
- Trung tâm Chi viện Chiến lược/Chiến khu (05).
- Các Trung tâm, căn cứ bảo đảm hậu cần liên hợp thuộc BTL bảo đảm hậu cần liên hợp PLA.
- Các Căn cứ tên lửa cấp quân đoàn thuộc Quân chủng Tên lửa

.....

3.8. Cấp 8. Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy Quân khu Tỉnh, Tập đoàn quân (Quân đoàn), Sư đoàn trưởng chủ lực và tương đương (**cấp Huyện cấp thị**): Thiếu tướng.

- **Phó Tư lệnh, Phó Chính ủy:** các Quân đoàn (Tập đoàn quân); các Quân khu Tỉnh;
- Chánh án Tòa án quân sự các Chiến khu.
- Viện Kiểm sát quân sự các Chiến khu.
- Tư lệnh, Chính ủy: Các căn cứ Không quân; Đội hình tàu sân bay.
- Giám đốc, Chính ủy: Các Căn cứ bảo đảm hậu cần liên hợp/BTL Bảo đảm Hậu cần Liên hợp QUTW.
- Tư lệnh, Chính ủy: BCH Cảnh sát biển Vùng (Hoa Đông, Biển Đông, Bắc Hải) thuộc BTL Quân đoàn Cảnh sát biển.

.....

3.9. Cấp 9. Sư đoàn trưởng, Lữ đoàn trưởng và tương đương (cấp Phó Huyện cấp thị; Huyện/Quận; Bộ CHQS Địa cấp thị/TP trực thuộc Tỉnh): Đại tá.

3.10. Cấp 10. Phó Lữ đoàn trưởng, Trung đoàn trưởng và tương đương (cấp Ban CHQS huyện/quận): Thượng tá.

3.11. Cấp 11. Phó Trung đoàn trưởng, Tiểu đoàn trưởng và tương đương (cấp xã/phường): Trung tá.

3.12. Cấp 12. Phó Tiểu đoàn trưởng, Đại đội trưởng và tương đương (cấp BCHQS xã/phường): Thiếu tá.

3.13. Cấp 13. Phó Đại đội trưởng và tương đương: Đại úy.

3.14. Cấp 14. Trung đội trưởng và tương đương: Đại úy.

VII. TỔ CHỨC CHUNG CỦA QUÂN CHỦNG, CHIẾN KHU, BỘ TƯ LỆNH NGÀNH, QUÂN ĐOÀN, QUÂN KHU CẤP TỈNH

1. Tổ chức chung của Quân chủng

Trong thời bình, Quân chủng trực tiếp quản lý, xây dựng lực lượng gồm: Lục quân, Hải quân, Không quân, Tên lửa chiến lược, Chi viện chiến lược. Các lực lượng này đều trực thuộc quân số quản lý của Quân chủng nhưng vị trí đóng quân thì nằm rải đều ở các Chiến khu. Quân chủng không trực tiếp chỉ huy tác chiến liên hợp đối với các lực lượng này mà chức năng đó thuộc về Chiến khu.

Quân chủng tương đương với cấp Tỉnh/Bộ/Khu Tự trị, Chiến khu.

1.1. Chỉ huy Quân chủng

- Tư lệnh (Nhóm 4, Thượng tướng);
- Chính ủy (Nhóm 4, Thượng tướng);
- Các Phó Tư lệnh (Nhóm 5, Trung tướng);
- Phó Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng);

1.2. Khối cơ quan Quân chủng

- (1) Bộ Tham mưu (Nhóm 5, Trung tướng)
- (2) Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 5, Trung tướng)
- (3) Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 5, Trung tướng)
- (4) Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 6, Thiếu tướng)
- (5) Bộ Trang bị (Nhóm 6, Thiếu tướng)

Dưới các Bộ trên có các Cục, phòng chức năng chuyên môn

1.3. Khối cơ sở Quân chủng

- (1) Bộ Tư lệnh ngành (Lục quân, Hải quân, Không quân) đóng quân ở Chiến khu Bắc (Nhóm 5, Trung tướng).

(2) Bộ Tư lệnh ngành (Lục quân, Hải quân, Không quân) đóng quân ở Chiến khu Nam (Nhóm 5, Trung tướng).

(3) Bộ Tư lệnh ngành (Lục quân, Hải quân, Không quân) đóng quân ở Chiến khu Đông (Nhóm 5, Trung tướng).

(4) Bộ Tư lệnh ngành (Lục quân, Không quân) đóng quân ở Chiến khu Tây (Nhóm 5, Trung tướng).

(5) Bộ Tư lệnh ngành (Lục quân, Không quân) đóng quân ở Chiến khu Trung tâm (Nhóm 5, Trung tướng).

1.4. Một số ngoại lệ

- Quân khu (Tân Cương, Tây Tạng, Bắc Kinh) tương đương cấp Phó Tỉnh trực thuộc Quân chủng Lục quân PLA.

- Bộ Tư lệnh Không quân Hải quân tương đương cấp Phó Địa cấp thị trực thuộc Chiến khu Đông, Nam, Bắc.

- Quân đoàn Thủy quân Lục chiến trực thuộc Quân chủng Hải quân PLA.

- Quân đoàn Dù trực thuộc Quân chủng Không quân PLA.

- Các Cục, trung tâm thuộc Quân chủng Chi viện Chiến lược PLA.

- Các Trung tâm, căn cứ bảo đảm hậu cần liên hợp thuộc BTL bảo đảm hậu cần liên hợp PLA.

- Các căn cứ tên lửa cấp quân đoàn thuộc Quân chủng Tên lửa PLA (có các lữ đoàn trực thuộc).

- Quân đoàn cảnh sát cơ động, Quân đoàn Cảnh sát biển thuộc Quân chủng Cảnh sát vũ trang PLA. (Dưới quân đoàn có các lữ đoàn, BCH CSB Vùng)

1.5. Các cơ quan đơn vị khác (các quân đoàn đặc biệt, học viện, nhà trường, trung tâm, viện nghiên cứu, căn cứ, cơ sở huấn luyện)

2. Tổ chức chung của Chiến khu

Chiến khu chỉ có chức năng nghiên cứu, huấn luyện thực hành tác chiến liên hợp trong thời bình và trong thời chiến thì các Bộ Tư lệnh ngành sẽ chịu sự chỉ huy tác chiến liên hợp từ Chiến khu. Do vậy, Chiến khu chỉ duy trì riêng bộ khung của Bộ Tư lệnh và một số cơ quan chức năng như tham mưu, chính trị.

Chiến khu tương đương với cấp Tỉnh/Bộ/Khu Tự trị, Quân chủng.

2.1. Chỉ huy Chiến khu

- Tư lệnh (Nhóm 4, Thượng tướng)

- Chính ủy (Nhóm 4, Thượng tướng)

- Các Phó Tư lệnh (Nhóm 5, Trung tướng)

- Phó Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

2.2. Khối cơ quan Chiến khu

(1) Bộ Tham mưu Liên hợp (Nhóm 5, Trung tướng)

(2) Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 5, Trung tướng)

Dưới 02 Bộ trên còn có các Cục, phòng chức năng chuyên môn.

2.3. Khối đơn vị cơ sở Chiến khu: Chiến khu chỉ duy trì riêng bộ khung của cơ quan. Các đơn vị đóng quân trên khu vực Chiến khu quản lý (*Lục quân, Hải quân, Không quân, Tên lửa, Chi viện Chiến lược, Bảo đảm Hậu cần Liên hợp, Cảnh sát Vũ trang, Quân khu cấp Tỉnh, Bán quân sự và dự bị*), chịu sự chỉ huy tác chiến liên hợp, huấn luyện thực hành tác chiến liên hợp.

Tuy nhiên, các Chiến khu vẫn duy trì Lữ đoàn Tên lửa phòng không độc lập (25 lữ đoàn) để đảm bảo phòng không không phận thuộc Chiến khu quản lý.

Mỗi 01 Chiến khu đều có Trung tâm Chỉ huy tác chiến liên hợp Chiến khu.

3. Tổ chức chung của Bộ Tư lệnh ngành

Bộ Tư lệnh ngành (Lục quân, Hải quân, Không quân) Chiến khu tương đương với cấp Phó của Tỉnh/Bộ/Khu Tự trị.

3.1. Chỉ huy chung Bộ Tư lệnh ngành

- Tư lệnh (Nhóm 5, Trung tướng)
- Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)
- Các Phó Tư lệnh (Nhóm 6, Thiếu tướng)
- Phó Chính ủy (Nhóm 6, Thiếu tướng)

3.2. Khối cơ quan Bộ Tư lệnh ngành

- (1) Bộ Tham mưu (Nhóm 6, Thiếu tướng)
- (2) Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 6, Thiếu tướng)
- (3) Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 6, Thiếu tướng)
- (4) Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 7, Thiếu tướng)
- (5) Bộ Trang bị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

3.3. Khối đơn vị cơ sở Bộ Tư lệnh ngành

a) Đối với Bộ Tư lệnh Lục quân đóng quân ở các Chiến khu

- Các Tập đoàn quân/Quân đoàn
- Các Lữ đoàn trực thuộc
- Các cơ sở huấn luyện

b) Đối với Bộ Tư lệnh Hải quân đóng quân ở các Chiến khu

- Các sư đoàn không quân hải quân.

- Các lữ đoàn, khu thủy cảnh, trung đoàn.

- Các căn cứ bảo đảm

c) Đối với Bộ Tư lệnh Không quân đóng quân ở các Chiến khu

- Các Quân đoàn, Sư đoàn, Lữ đoàn Không quân

- Các Sư đoàn Phòng không

- Các Lữ đoàn tên lửa Phòng không

- Các Căn cứ không quân cấp quân đoàn, sư đoàn

d) Đối với lực lượng Tên lửa chiến lược đóng quân ở các Chiến khu

- Các Căn cứ tên lửa chiến lược (lữ đoàn, trung đoàn).

e) Đối với lực lượng Chi viện chiến lược đóng quân ở các Chiến khu

- Các Trung tâm Chi viện chiến lược

- Các Trung tâm kiểm soát không phận

- Các Cục quản lý vệ tinh, trinh sát vũ trụ

- Các Cục trinh sát kỹ thuật và không gian mạng

g) Đối với lực lượng Bảo đảm Hậu cần liên hợp đóng quân ở Chiến khu

- Các Trung tâm bảo đảm hậu cần liên hợp

- Các Căn cứ bảo đảm hậu cần liên hợp

h) Đối với lực lượng cảnh sát vũ trang đóng quân ở các Chiến khu

- Quân đoàn cảnh sát cơ động 1, 2 có các chi đội (lữ đoàn) vũ cảnh trực thuộc;

- Quân đoàn Cảnh sát biển có 03 Bộ Chỉ huy Hải cảnh vùng (Hoa Đông, Biển Đông, Bắc Hải) có các chi đội hải cảnh (lữ đoàn) trực thuộc

4. Tổ chức chung của Quân đoàn

4.1. Chỉ huy chung của Quân đoàn

- Tư lệnh (Nhóm 7, Thiếu tướng)

- Chính ủy (Nhóm 7, Thiếu tướng)

- Các Phó Tư lệnh (Nhóm 8, Thiếu tướng)

- Phó Chính ủy (Nhóm 8, Thiếu tướng)

4.2. Khối cơ quan, đơn vị Quân đoàn

- Bộ Tham mưu (Nhóm 8, Đại tá)

- Cục Chính trị (Nhóm 8, Đại tá)

- Cục Hậu cần (Nhóm 9, Đại tá)

- Cục Trang bị (Nhóm 9, Đại tá)
- Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 8, Đại tá)
- Các Lữ đoàn trực thuộc (Nhóm 9, Đại tá).
- * *Trực thuộc khối cơ quan là các Phòng, ban chuyên môn*
- * *Trực thuộc Lữ đoàn là các Tiểu đoàn.*

5. Tổ chức chung của Quân khu cấp tỉnh

Quân khu cấp Tỉnh trực thuộc và chịu sự quản lý của Bộ Động viên Quốc phòng. Ngoại trừ Quân khu (Tân Cương, Tây Tạng, Bắc Kinh) tương đương cấp Phó Tỉnh trực thuộc Quân chủng Lục quân PLA.

5.1. Chỉ huy chung của Quân khu cấp Tỉnh

- Tư lệnh (Nhóm 7, Thiếu tướng)
- Chính ủy (Nhóm 7, Thiếu tướng)
- Các Phó Tư lệnh (Nhóm 8, Thiếu tướng)
- Phó Chính ủy (Nhóm 8, Thiếu tướng)

5.2. Khối cơ quan, đơn vị Quân khu cấp Tỉnh

- Bộ Tham mưu (Nhóm 8, Đại tá)
- Cục Chính trị (Nhóm 8, Đại tá)
- Cục Hậu cần (Nhóm 9, Đại tá)
- Cục Trang bị (Nhóm 9, Đại tá)
- Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 8, Đại tá)
- Các Sư đoàn khung (lực lượng bán quân sự và dự bị)
- Các Bộ Chỉ huy Quân sự Địa cấp thị (Nhóm 9, Đại tá)
- + Các Ban Chỉ huy Quân sự Huyện cấp thị (Nhóm 10, Thượng tá)
- + Các Ban Chỉ huy Quân sự xã/phường (Nhóm 12, Thiếu tá)

6. Tổ chức một số Lữ đoàn

6.1. Lữ đoàn Bộ binh cơ giới (BBCG) có khoảng 4.500-5.000 quân; 400 phương tiện chiến đấu các loại; gồm 08 tiểu đoàn. Trong đó: 04 tiểu đoàn binh chủng hợp thành; 01 tiểu đoàn pháo binh (1c pháo 152mm, 3c pháo 122mm, 1c pháo phản lực phóng loạt 122mm, 1c chống tăng HJ-8/9); 01 tiểu đoàn phòng không (1c tên lửa phòng không, 2c PPK35mm, 1c tên lửa phòng không vác vai); 01 tiểu đoàn chi viện tác chiến (1c thông tin, 1c trinh sát, 1c TCĐT, 1c CB-HH); 01 tiểu đoàn bảo đảm (1c quân y, 1c xe, 1c sửa chữa, 1c đảm bảo, 1 kho, 1b huấn luyện).

6.2. Lữ đoàn Phòng không có khoảng 2.260 quân, gồm 02 tiểu đoàn tên lửa phòng không, 02 tiểu đoàn pháo phòng không, 01 tiểu đoàn bảo đảm, 01 đại đội thông tin, 01 đại đội radar.

6.3. Lữ đoàn tác chiến đặc biệt có khoảng 3.768 quân, gồm 07 tiểu đoàn.

6.4. Lữ đoàn Pháo binh có khoảng 1.825 quân, gồm 02 tiểu đoàn tên lửa tầm xa, 02 tiểu đoàn tên lửa phóng loạt 155mm; 02 tiểu đoàn tên lửa phóng loạt 152mm; 02 tiểu đoàn tên lửa phóng loạt 122-130mm.

6.5. Lữ đoàn không quân lục quân có khoảng 2.240 quân, gồm 03 tiểu đoàn trực thăng đa năng; 02 tiểu đoàn trực thăng trinh sát; 02 tiểu đoàn trực thăng vận tải.

6.6. Lữ đoàn Đột kích đường không có khoảng 4.500 quân, gồm 04 tiểu đoàn đột kích đường không, 01 tiểu đoàn máy bay trinh sát, 02 tiểu đoàn trực thăng vũ trang, 01 tiểu đoàn chi viện bảo đảm.

6.6. Lữ đoàn tên lửa: 2.850 quân, gồm 1d trinh sát; 1d thông tin; 1d tác chiến điện tử; 1d trang bị; 4d tên lửa đầu đạn thông thường; 2d tên lửa hạt nhân; 1c khí tượng, 1c công binh.

Tiểu đoàn tên lửa hạt nhân: 357 quân gồm 4c tên lửa hạt nhân; 5b (trinh sát, thông tin, TCĐT, khí tượng).

6.7. Lữ đoàn Thủy quân lục chiến: 5.000 quân gồm 10 tiểu đoàn; trong đó 03 tiểu đoàn BBCG tác chiến lưỡng thể; 01d đột kích đường không; 01d trinh sát; 01d pháo binh; 01d công binh-phòng hóa; 01d phòng không; 01d chi viện tác chiến; 01d bảo đảm hậu cần.

Tiểu đoàn Thủy quân lục chiến: 850 quân, gồm 03 đại đội BBCG (*mỗi đại đội 175 quân*); 01c hỏa lực; 01b Trinh sát; 01b Phòng không; 01b Pháo binh; 01b Công binh; 01a Sửa chữa.

VIII. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỤ THỂ 15 CƠ QUAN

*** Bộ Quốc phòng**

Từ năm 2016, sau cải cách, Bộ Quốc phòng chỉ còn Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; không còn Thứ trưởng Bộ Quốc phòng. Nhiệm vụ Thứ trưởng Bộ Quốc phòng được chuyển về cho Phó Tham mưu trưởng Bộ Tham mưu Liên hợp QUTW đảm nhiệm. Các cơ quan thuộc Bộ Quốc phòng sẽ lồng ghép nhiệm vụ vào trong 15 cơ quan thuộc QUTW. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trên danh nghĩa quan hệ đối ngoại quốc phòng, hợp tác quân sự.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (Nhóm 3, Thượng tướng)

Văn phòng Hợp tác Quân sự Quốc tế (nhiệm vụ này do Văn phòng Hợp tác Quân sự Quốc tế QUTW đảm nhiệm tham mưu, 02 cơ quan là một)

Văn phòng Động viên Quốc phòng (thuộc Cục Động viên/Bộ Động viên Quốc phòng)

Văn phòng Truyền thông Quốc tế (thuộc Cục Tuyên huấn/Bộ Công tác Chính trị).

Văn phòng Giữ gìn Hòa bình (thuộc Cục Tình báo/Bộ Tham mưu Liên hợp QUTW).

Cục Thông tin (do Văn phòng Hợp tác Quân sự Quốc tế QUTW tham mưu).

1. Văn phòng Quân ủy Trung ương Trung Quốc

Chủ nhiệm (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Chủ nhiệm (Nhóm 6, Trung tướng)

Văn phòng Chủ tịch Quân ủy (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Văn phòng Bắc Đới Hà (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Thư ký Quân ủy (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục An ninh (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Công tác chính trị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục An ninh tổng hợp (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Văn thư (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Bảo mật và Lưu trữ (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Pháp chế (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Viện Nghiên cứu 51

Trung tâm an toàn thông tin

2. Bộ Tham mưu liên hợp QUTW Trung Quốc

Tham mưu trưởng (Nhóm 3, Thượng tướng)

Phó Tham mưu trưởng (Nhóm 5, Trung tướng)

Văn phòng Bộ Tham mưu liên hợp (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Công tác Chính trị (*nội bộ*) (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Tác chiến (Nhóm 6, Trung tướng)

Cục Huấn luyện Chiến dịch Chiến lược (Nhóm 6, Trung tướng)

Cục Tác chiến Điện tử (Nhóm 6, Trung tướng)

Cục Tình báo (Nhóm 6, Trung tướng)

Cục Cảnh vệ (Nhóm 6, Trung tướng)

Cục Thông tin và Truyền thông (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Nghiên cứu nhu cầu quân sự (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Điều hướng (*Đo đạc, Bản đồ, Trắc địa*) - (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Bảo vệ môi trường chiến trường (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Quân đoàn Cảnh vệ Trung ương (61889) - (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Bệnh viện 305 (Nhóm 7, Thiếu tướng)

3. Bộ Công tác Chính trị

Chủ nhiệm (Nhóm 3, Thượng tướng)
Phó Chủ nhiệm (Nhóm 5, Trung tướng)
Văn phòng Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Cục Tổ chức (Nhóm 6, Trung tướng)
Cục Cán bộ (Nhóm 6, Trung tướng)
Cục Quân lực (Nhóm 6, Trung tướng)
Cục Tuyên huấn (Nhóm 6, Trung tướng)
Cục Công chức Viên chức (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Cục Truyền thông mạng (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Cục Công tác Chính trị (*nội bộ*) - (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Cục Công tác Quần chúng (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Cục Liên lạc (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Cục Cựu Chiến binh (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Trung tâm truyền thông tin tức (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Trung tâm văn hóa nghệ thuật quân sự (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Bảo tàng Quân đội Cách mạng Nhân dân TQ (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Căn cứ Huấn luyện Sa Hà (Nhóm 9, Đại tá)

4. Bộ Bảo đảm Hậu cần

Chủ nhiệm (Nhóm 5, Trung tướng)
Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)
Phó Chủ nhiệm (Nhóm 6, Thiếu tướng)
Phó Chính ủy (Nhóm 6, Thiếu tướng)
Văn phòng Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Cục Công tác Chính trị (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Cục Kế hoạch Tổng hợp (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Cục Tài chính (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Cục Y tế (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Cục Vận tải (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Năng lượng và Quân nhu (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Xây dựng cơ sở quân sự (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Quản lý Mua sắm (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Trung tâm thanh quyết toán (Nhóm 9, Đại tá)

5. Bộ Phát triển Trang bị

Chủ nhiệm (Nhóm 5, Trung tướng)

Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Chủ nhiệm (Nhóm 6, Thiếu tướng)

Phó Chính ủy (Nhóm 6, Thiếu tướng)

Văn phòng Bộ Phát triển trang bị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Công tác Chính trị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Kế hoạch Tổng hợp (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Giám sát Hợp đồng (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Nghiên cứu Khoa học và Đặt hàng (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Hợp tác Kỹ thuật Trang bị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Kỹ thuật Thông tin (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Kiểm tra và Thẩm định (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Sở hữu trí tuệ Quốc phòng (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Các văn phòng đại diện quân sự

Văn phòng kỹ thuật không gian có người lái (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Trung tâm đánh giá sáng kiến kỹ thuật (Nhóm 9, Đại tá)

Trung tâm nghiên cứu và đào tạo phi hành gia (Nhóm 9, Đại tá)

Căn cứ thử nghiệm hạt nhân số 21 (Nhóm 7, Thiếu tướng)

6. Bộ Quản lý Huấn luyện

Chủ nhiệm (Nhóm 5, Trung tướng)

Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Chủ nhiệm (Nhóm 6, Thiếu tướng)

Phó Chính ủy (Nhóm 6, Thiếu tướng)

Văn phòng Bộ Quản lý Huấn luyện (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Công tác Chính trị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Quân huấn (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Nhà trường (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Giáo dục Nghề nghiệp (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Giám sát huấn luyện (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Quản lý Huấn luyện (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Trung tâm huấn luyện thể thao quân sự (Nhóm 8, Thiếu tướng)

7. Bộ Động viên Quốc phòng

Chủ nhiệm (Nhóm 5, Trung tướng)

Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Chủ nhiệm (Nhóm 6, Thiếu tướng)

Phó Chính ủy (Nhóm 6, Thiếu tướng)

Văn phòng Bộ Động viên Quốc phòng (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Công tác Chính trị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Động viên (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Dân quân Tự vệ (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Phòng không dân sự (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Biên phòng (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Bảo tàng Vũ khí dân quân (Nhóm 9, Đại tá)

Các Quân khu cấp Tỉnh, 28 tỉnh (Nhóm 7, Thiếu tướng) gồm các Tỉnh: Hà Bắc, Sơn Tây, Nội Mông, Liêu Ninh, Cát Lâm, Hắc Long Giang, Sơn Đông, Giang Tô, An Huy, Chiết Giang, Giang Tây, Phúc Kiến, Hà Nam, Hồ Bắc, Hồ Nam, Quảng Đông, Quảng Tây, Hải Nam, Thiểm Tây, Ninh Hạ, Cam Túc, Thanh Hải, Tứ Xuyên, Quý Châu, Vân Nam, Thượng Hải, Thiên Tân, Trùng Khánh.

8. Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật

Bí thư Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 3, Thượng tướng)

Phó Bí thư Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 5, Trung tướng)

Văn phòng Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Công tác Chính trị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Kiểm tra Giám sát (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Thi hành án (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật đặt tại 05 Chiến khu (05 Ủy ban)

Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật đặt tại Tổng cục Nội vụ Cơ quan QUTW

Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật đặt tại Bộ Tham mưu Liên hợp

Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật đặt tại Bộ Bảo đảm Hậu cần

Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật đặt tại Bộ Quản lý Huấn luyện
Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật đặt tại Bộ Động viên Quốc phòng

9. Ủy ban Chính trị và Pháp luật

Bí thư Ủy ban Chính trị và Pháp luật (Nhóm 5, Trung tướng)
Phó Bí thư Ủy ban Chính trị và Pháp luật (Nhóm 6, Thiếu tướng)
Văn phòng Ủy ban Ủy ban Chính trị và Pháp luật (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Cục Công tác Chính trị (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Cục An ninh (Nhóm 7, Thiếu tướng) về công tác điều tra ...
Viện Kiểm sát Quân sự Trung ương (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Tòa án Quân sự Trung ương (Nhóm 6, Thiếu tướng)
Viện Kiểm sát Quân sự Trung ương (Nhóm 6, Thiếu tướng)
Tòa án Quân sự Lực lượng Cảnh sát vũ trang (Nhóm 9, Đại tá)
Viện Kiểm sát Quân sự Lực lượng Cảnh sát vũ trang (Nhóm 9, Đại tá)
Trại giam quân sự (Nhóm 9, Đại tá)

10. Ủy ban Khoa học và Công nghệ

Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Công nghệ (Nhóm 5, Trung tướng)
Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Công nghệ (Nhóm 6, Thiếu tướng)
Văn phòng Ủy ban Khoa học và Công nghệ (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Cục Khoa học Công nghệ chiến lược (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Cục Khoa học Công nghệ đổi mới (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Trung tâm Thông tin Khoa học Quốc phòng (Nhóm 7, Thiếu tướng)

11. Văn phòng Quy hoạch Chiến lược

Chủ nhiệm (Nhóm 6, Trung tướng)
Phó Chủ nhiệm (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Văn phòng Tổng hợp (Nhóm 8, Thiếu tướng)
Cục Đánh giá thống kê (Nhóm 8, Thiếu tướng)
Cục Tổng hợp Quân-Dân (Nhóm 8, Thiếu tướng)
Cục Điều phối thông tin mạng (Nhóm 8, Thiếu tướng)

12. Văn phòng Cải cách và Biên chế

Chủ nhiệm (Nhóm 6, Trung tướng)
Phó Chủ nhiệm (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Văn phòng Tổng hợp (Nhóm 8, Thiếu tướng)

Cục Cải cách Hành chính (Nhóm 8, Thiếu tướng)

Cục Cải cách Biên chế (Nhóm 8, Thiếu tướng)

13. Văn phòng Hợp tác Quân sự Quốc tế

Chủ nhiệm (Nhóm 6, Trung tướng)

Phó Chủ nhiệm (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Văn phòng Tổng hợp (Nhóm 8, Thiếu tướng)

Cục Á Âu (Nhóm 8, Thiếu tướng)

Cục Châu Mỹ và Châu Đại Dương (Nhóm 8, Thiếu tướng)

Cục Thái Bình Dương (Nhóm 8, Thiếu tướng)

Cục Tuân thủ Hợp tác (Nhóm 8, Thiếu tướng)

Trung tâm Hợp tác An ninh (Nhóm 8, Thiếu tướng)

14. Kiểm toán Quân ủy Trung ương

Tổng Kiểm toán (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Tổng Kiểm toán (Nhóm 6, Thiếu tướng)

Văn phòng Tổng hợp (Nhóm 8, Thiếu tướng)

Trung tâm Kiểm toán số 1 (Nhóm 8, Thiếu tướng)

Trung tâm Kiểm toán số 2 (Nhóm 8, Thiếu tướng)

Trung tâm Kiểm toán số 3 (Nhóm 8, Thiếu tướng)

Kiểm toán khu vực Trung tâm (Nhóm 8, Thiếu tướng)

Kiểm toán khu vực Bắc (Nhóm 8, Thiếu tướng)

Kiểm toán khu vực Nam (Nhóm 8, Thiếu tướng)

Kiểm toán khu vực Đông (Nhóm 8, Thiếu tướng)

Kiểm toán khu vực Tây (Nhóm 8, Thiếu tướng)

15. Tổng cục Nội vụ Cơ quan Quân ủy Trung ương

Tổng cục trưởng (Nhóm 6, Trung tướng)

Chính ủy Tổng cục (Nhóm 6, Trung tướng)

Phó Tổng cục trưởng (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Phó Chính ủy Tổng cục (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Văn phòng Tổng hợp (Nhóm 8, Thiếu tướng)

Cục Tài chính (Nhóm 8, Thiếu tướng)

Cục Doanh trại (Nhóm 8, Thiếu tướng)

Cục Hành chính (Nhóm 8, Thiếu tướng)

Cục Y tế (Nhóm 8, Thiếu tướng)

Cục Khách sạn (Nhóm 8, Thiếu tướng)

Trung tâm Thanh toán tài chính

IX. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỤ THỂ QUÂN CHỦNG LỤC QUÂN

*** Cơ quan chức năng thuộc Quân chủng Lục quân**

Tư lệnh (Nhóm 4, Thượng tướng)

Chính ủy (Nhóm 4, Thượng tướng)

Phó Tư lệnh (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Bộ Tham mưu (Nhóm 5, Trung tướng)

Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 5, Trung tướng)

Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 5, Trung tướng)

Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 6, Thiếu tướng)

Bộ Trang bị (Nhóm 6, Thiếu tướng)

1. Bộ Tư lệnh Lục quân Chiến khu Bắc

Tư lệnh/Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy (Nhóm 6, Thiếu tướng)

1.1. Bộ Tham mưu (Nhóm 6, Thiếu tướng)

1.2. Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 6, Thiếu tướng)

1.3. Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 6, Thiếu tướng)

1.4. Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 7, Thiếu tướng)

1.5. Bộ Trang bị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

1.6. Quân đoàn 78 (Cáp Nhĩ Tân, Hắc Long Giang) gồm 11 lữ đoàn, trong đó: 05 lữ BBCG (8, 48, 68, 115, 202); 01 lữ tác chiến đặc biệt 78; 01 lữ pháo binh 78; 01 lữ phòng không 78; 01 lữ không quân lục quân 78; 01 lữ công binh-phòng hóa 78; 01 lữ chi viện bảo đảm 78.

1.7. Quân đoàn 79 (Liêu Dương, Liêu Ninh) gồm 12 lữ đoàn, trong đó: 06 lữ BBCG (46, 116, 119, 190, 191, 200); 01 lữ tác chiến đặc biệt 79; 01 lữ pháo binh 79; 01 lữ phòng không 79; 01 lữ không quân lục quân 79; 01 lữ công binh-phòng hóa 79; 01 lữ chi viện bảo đảm 79.

1.8. Quân đoàn 80 (Duy Phường, Sơn Đông) gồm 12 lữ đoàn, trong đó: 06 lữ BBCG (47, 69, 118, 138, 199, 203); 01 lữ tác chiến đặc biệt 80; 01 lữ pháo binh 80; 01 lữ phòng không 80; 01 lữ không quân lục quân 80; 01 lữ công binh-phòng hóa 80; 01 lữ chi viện bảo đảm 80.

1.9. Các Lữ đoàn trực thuộc BTL Lục quân Chiến khu Bắc: Tình báo Trinh sát 4; Bảo đảm thông tin 4; Tác chiến điện tử 4; Biên phòng (3, 31, 324); Phòng thủ biên giới (321, 322, 3, 23, 325, 326, 327, 328, 329, 330); Phòng thủ ven bờ (332, 333, 334, 335).

1.10. Các đơn vị khác trực thuộc BTL Lục quân Chiến khu Bắc: Cơ sở huấn luyện chiến thuật (02); Bệnh viện 209; Cơ sở huấn luyện toàn diện (số 7, số 8).

2. Bộ Tư lệnh Lục quân Chiến khu Nam

Tư lệnh/Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy (Nhóm 6, Thiếu tướng)

2.1. Bộ Tham mưu (Nhóm 6, Thiếu tướng)

2.2. Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 6, Thiếu tướng)

2.3. Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 6, Thiếu tướng)

2.4. Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 7, Thiếu tướng)

2.5. Bộ Trang bị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

2.6. Quân đoàn 74 (Huệ Châu, Quảng Đông) gồm 12 lữ đoàn, trong đó: 06 lữ BBCG (01, 16, 125, 132, 154, 163); 01 lữ tác chiến đặc biệt 74; 01 lữ pháo binh 74; 01 lữ phòng không 74; 01 lữ không quân lục quân 74; 01 lữ công binh-phòng hóa 74; 01 lữ chi viện bảo đảm 74; 01 bệnh viện Quân y 74.

2.7. Quân đoàn 75 (Côn Minh, Vân Nam) gồm 12 lữ đoàn, trong đó: 06 lữ BBCG (31, 32, 37, 42, 122, 123); 01 lữ tác chiến đặc biệt 75; 01 lữ pháo binh 75; 01 lữ phòng không 75; 01 lữ không quân lục quân 75; 01 lữ công binh-phòng hóa 75; 01 lữ chi viện bảo đảm 75.

2.8. Các Sư đoàn trực thuộc BTL Lục quân Chiến khu Nam

- Sư đoàn bộ binh độc lập số 5 gồm: 02 trung đoàn bộ binh; 01 trung đoàn đặc nhiệm; 07 trung đoàn pháo binh, 01 trung đoàn tăng thiết giáp.

- Sư đoàn pháo binh 5 gồm: 04 trung đoàn vận tải bộ (12, 17, 21, 22); 05 lữ đoàn phòng thủ biên giới (313, 314, 315, 316, 317); Phòng thủ ven bờ (311, 312).

2.9. Các Lữ đoàn trực thuộc BTL Lục quân Chiến khu Nam: Liên hợp đồn trú Hồng Kông; Tình báo Trinh sát 2; Bảo đảm thông tin 2; Tác chiến điện tử 2; Pháo binh tên lửa tầm xa 2.

2.10. Các đơn vị khác trực thuộc BTL Lục quân Chiến khu Nam: Cơ sở huấn luyện chiến thuật Luzhai; Cơ sở huấn luyện toàn diện (số 3, số 4).

3. Bộ Tư lệnh Lục quân Chiến khu Đông

Tư lệnh/Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy (Nhóm 6, Thiếu tướng)

3.1. Bộ Tham mưu (Nhóm 6, Thiếu tướng)

3.2. Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 6, Thiếu tướng)

3.3. Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 6, Thiếu tướng)

3.4. Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 7, Thiếu tướng)

3.5. Bộ Trang bị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

3.6. Quân đoàn 71 (Từ Châu, Giang Tô) gồm 12 lữ đoàn, trong đó: 06 lữ BBCG (02, 35, 160, 178, 179, 235); 01 lữ tác chiến đặc biệt 71; 01 lữ pháo binh 71; 01 lữ phòng không 71; 01 lữ không quân lục quân 71; 01 lữ công binh-phòng hóa 71; 01 lữ chi viện bảo đảm 71.

3.7. Quân đoàn 72 (Hồ Châu, Chiết Giang) gồm 12 lữ đoàn, trong đó: 06 lữ BBCG (05, 10, 34, 85, 90, 124); 01 lữ tác chiến đặc biệt 72; 01 lữ pháo binh 72; 01 lữ phòng không 72; 01 lữ không quân lục quân 72; 01 lữ công binh-phòng hóa 72; 01 lữ chi viện bảo đảm 72.

3.8. Quân đoàn 73 (Hạ Môn, Phúc Kiến) gồm 12 lữ đoàn, trong đó: 06 lữ BBCG (03, 14, 86, 91, 92, 145); 01 lữ tác chiến đặc biệt 73; 01 lữ pháo binh 73; 01 lữ phòng không 73; 01 lữ không quân lục quân 73; 01 lữ công binh-phòng hóa 73; 01 lữ chi viện bảo đảm 73.

3.9. Các Lữ đoàn trực thuộc BTL Lục quân Chiến khu Đông: Tình báo-Trình sát 01; Bảo đảm thông tin 01; Tác chiến điện tử 01; Pháo binh tên lửa tầm xa 01; Phòng thủ ven bờ (301, 302, 303, 304); Cầu thuyền 31.

3.10. Các đơn vị khác trực thuộc BTL Lục quân Chiến khu Đông: Cơ sở huấn luyện chiến thuật theo hiệp đồng; Cơ sở huấn luyện toàn diện (số 1, số 2).

4. Bộ Tư lệnh Lục quân Chiến khu Tây

Tư lệnh/Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy (Nhóm 6, Thiếu tướng)

4.1. Bộ Tham mưu (Nhóm 6, Thiếu tướng)

4.2. Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 6, Thiếu tướng)

4.3. Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 6, Thiếu tướng)

4.4. Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 7, Thiếu tướng)

4.5. Bộ Trang bị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

4.6. Quân đoàn 76 (Tây Ninh, Thanh Hải) gồm 12 lữ đoàn, trong đó: 06 lữ BBCG (12, 17, 56, 62, 149, 182); 01 lữ tác chiến đặc biệt 76; 01 lữ pháo binh 76; 01 lữ phòng không 76; 01 lữ không quân lục quân 76; 01 lữ công binh-phòng hóa 76; 01 lữ chi viện bảo đảm 76.

4.7. Quân đoàn 77 (Thành Đô, Tứ Xuyên) gồm 12 lữ đoàn, trong đó: 06 lữ BBCG (39, 40, 55, 139, 150, 180); 01 lữ tác chiến đặc biệt 77; 01 lữ pháo binh 77; 01 lữ phòng không 77; 01 lữ không quân lục quân 77; 01 lữ công binh-phòng hóa 77; 01 lữ chi viện bảo đảm 77.

4.8. Các Lữ đoàn trực thuộc BTL Lục quân Chiến khu Tây: Tình báo-Trình sát 03; Bảo đảm thông tin 03; Tác chiến điện tử 03; Pháo binh tên lửa tầm xa 03.

4.9. Các đơn vị khác trực thuộc BTL Lục quân Chiến khu Tây: Cơ sở huấn luyện chiến thuật theo hiệp đồng (02); Cơ sở huấn luyện toàn diện (số 5, số 6).

5. Bộ Tư lệnh Lục quân Chiến khu Trung tâm

Tư lệnh/Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy (Nhóm 6, Thiếu tướng)

5.1. Bộ Tham mưu (Nhóm 6, Thiếu tướng)

5.2. Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 6, Thiếu tướng)

5.3. Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 6, Thiếu tướng)

5.4. Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 7, Thiếu tướng)

5.5. Bộ Trang bị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

5.6. Quân đoàn 81 (Trương Gia Khẩu, Hà Bắc) gồm 12 lữ đoàn, trong đó: 06 lữ BBCG (07, 70, 162, 189, 194, 195); 01 lữ tác chiến đặc biệt 81; 01 lữ pháo binh 81; 01 lữ phòng không 81; 01 lữ không quân lục quân 81; 01 lữ công binh-phòng hóa 81; 01 lữ chi viện bảo đảm 81.

5.7. Quân đoàn 82 (Bảo Định, Hà Bắc) gồm 12 lữ đoàn, trong đó: 06 lữ BBCG (06, 80, 127, 151, 188, 196); 01 lữ tác chiến đặc biệt 82; 01 lữ pháo binh 82; 01 lữ phòng không 82; 01 lữ không quân lục quân 82; 01 lữ công binh-phòng hóa 82; 01 lữ chi viện bảo đảm 82.

5.8. Quân đoàn 83 (Tân Hương, Hà Nam) gồm 12 lữ đoàn, trong đó: 06 lữ BBCG (11, 58, 60, 113, 131, 193); 01 lữ tác chiến đặc biệt 83; 01 lữ pháo binh 83; 01 lữ phòng không 83; 01 lữ không quân lục quân 83; 01 lữ công binh-phòng hóa 83; 01 lữ chi viện bảo đảm 83; 01 lữ đột kích đường không 161.

5.9. Quân đoàn huấn luyện quân dự bị

5.9. Các Sư đoàn trực thuộc BTL Lục quân Chiến khu Trung tâm: BBCG 112 độc lập; Pháo binh dự bị.

5.10. Các Lữ đoàn trực thuộc BTL Lục quân Chiến khu Trung tâm: Tình báo-Trình sát 05; Bảo đảm thông tin 05; Tác chiến điện tử 05; Cầu phao 32.

5.11. Các đơn vị khác trực thuộc BTL Lục quân Chiến khu Trung tâm: Trung đoàn phòng hóa dự bị; trung đoàn bảo vệ 17; Cơ sở huấn luyện chiến thuật theo hiệp đồng; Cơ sở huấn luyện toàn diện (số 9, số 10).

6. Quân khu Tân Cương

Tư lệnh/Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy (Nhóm 6, Thiếu tướng)

6.1. Bộ Tham mưu (Nhóm 6, Thiếu tướng)

- 6.2. Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 6, Thiếu tướng)
- 6.3. Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 6, Thiếu tướng)
- 6.4. Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 7, Thiếu tướng)
- 6.5. Bộ Trang bị (Nhóm 7, Thiếu tướng)
- 6.6. Quân khu Thủ thủ Urumchi (Nhóm 7, Thiếu tướng)
- 6.7. Quân khu Nam Tân Cương (Nhóm 7, Thiếu tướng) gồm 06 Sư đoàn.
- 6.8. Quân khu TP. Xương Cát (Nhóm 7, Thiếu tướng)
- 6.9. Quân khu Tháp Thành (Nhóm 7, Thiếu tướng)
- 6.10. Cục Quân sự thuộc Quân đoàn Sản xuất và Xây dựng Tân Cương
- 6.11. Các Sư đoàn trực thuộc Quân khu Tân Cương: Karamay, Thạch Hà Tử, Turfan, Kumul, Kazakh Lli, Altay, Bắc Nhĩ Tháp Lạp; Sư đoàn 4, 6, 8, 11.
- 6.12. Các Lữ đoàn trực thuộc Quân khu Tân Cương: Tác chiến đặc biệt 84; Hàng không Lục quân 84; Pháo binh 84; Phòng không 84; Trinh sát, tình báo 6; Bảo đảm thông tin 6; Vận tải cơ giới 4; Tác chiến điện tử 6.
- 6.13. Các Trung đoàn trực thuộc Quân khu Tân Cương: Vận tải cơ giới 3; Liên lạc 1; Truyền thông 2; Phòng thủ hóa học 2; Công binh 9; Biên phòng 361, 362, 363, 364, 365, 366, 367, 368, 369, 370, 371, 372, 373, 374, 375.
- 6.14. Các Bệnh viện trực thuộc Quân khu Tân Cương: Đa khoa, 946, 947, 948, 949, 950, 951 và cơ sở huấn luyện.

7. Quân khu Tây Tạng

- Tư lệnh/Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)
- Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy (Nhóm 6, Thiếu tướng)
- 7.1. Bộ Tham mưu (Nhóm 6, Thiếu tướng)
 - 7.2. Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 6, Thiếu tướng)
 - 7.3. Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 6, Thiếu tướng)
 - 7.4. Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 7, Thiếu tướng)
 - 7.5. Bộ Trang bị (Nhóm 7, Thiếu tướng)
 - 7.6. Quân khu Thành Quan (Nhóm 7, Thiếu tướng)
 - 7.7. Quân khu Xigaze (Nhóm 7, Thiếu tướng)
 - 7.8. Quân khu Sơn Nam (Nhóm 7, Thiếu tướng)
 - 7.9. Các đơn vị trực thuộc Quân khu Tây Tạng
 - Các sư đoàn: Nyingchi, Qamdo, Nagqu.
 - Các lữ đoàn: 52, 53, 54; Tác chiến đặc biệt 85; Pháo binh 85; Không quân 85, Phòng không 85, Công binh-phòng hóa 85, Tình báo-Trinh sát 7, Tác chiến

điện tử 7, Vận tải cơ giới 5; Xe tăng độc lập; Pháo binh độc lập; Tên lửa phòng không độc lập.

- Trung đoàn Radar độc lập; Các Trung đoàn Biên phòng (351, 352, 353, 354, 355, 356, 357, 358).

- Bệnh viện Đa khoa; Cơ sở huấn luyện 12; Trạm quân sự (02 trạm).

8. Quân khu Bắc Kinh

Tư lệnh/Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy (Nhóm 6, Thiếu tướng)

8.1. Bộ Tham mưu (Nhóm 6, Thiếu tướng)

8.2. Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 6, Thiếu tướng)

8.3. Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 6, Thiếu tướng)

8.4. Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 7, Thiếu tướng)

8.5. Bộ Trang bị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

8.6. Sư đoàn cận vệ số 1 gồm 05 trung đoàn

8.7. Sư đoàn Cảnh vệ số 3 gồm 07 trung đoàn

8.8. Sư đoàn Pháo phòng không gồm 05 trung đoàn

8.9. Quân đoàn huấn luyện sĩ quan dự bị

8.10. Trung đoàn phòng thủ hóa học

9. Các Học viện, Nhà trường trực thuộc Quân chủng Lục quân

- Học viện Chỉ huy Lục quân

- Học viện Bộ binh Lục quân

- Đại học Kỹ thuật Lục quân

- Học viện Tăng thiết giáp Lục quân

- Học viện Phòng không và Pháo binh Lục quân

- Học viện Hàng không Lục quân

- Học viện Tác chiến Đặc biệt Lục quân

- Học viện Biên phòng và Duyên hải Lục quân

- Học viện Phòng thủ Hóa học

- Học viện Vận tải Quân sự

- Học viện Hậu cần Lục quân

- Đại học Quân y Lục quân

- Viện Nghiên cứu Lục quân

- Trung tâm thử nghiệm vũ khí 31
- Trung tâm thử nghiệm vũ khí 32
- Căn cứ 081 Lục quân
- Cơ sở huấn luyện chó

X. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỤ THỂ QUÂN CHỦNG HẢI QUÂN

*** Cơ quan chức năng thuộc Quân chủng Hải quân**

Tư lệnh (Nhóm 4, Thượng tướng)

Chính ủy (Nhóm 4, Thượng tướng)

Phó Tư lệnh (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Bộ Tham mưu (Nhóm 5, Trung tướng)

Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 5, Trung tướng)

Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 5, Trung tướng)

Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 6, Thiếu tướng)

Bộ Trang bị (Nhóm 6, Thiếu tướng)

1. Bộ Tư lệnh Hải quân Chiến khu Bắc (Hạm đội Bắc Hải)

Tư lệnh/Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy (Nhóm 6, Thiếu tướng)

1.1. Bộ Tham mưu (Nhóm 6, Thiếu tướng)

1.2. Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 6, Thiếu tướng)

1.3. Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 6, Thiếu tướng)

1.4. Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 7, Thiếu tướng)

1.5. Bộ Trang bị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

1.6. Các Sư đoàn: Sư đoàn hỗn hợp 2; Sư đoàn không quân tiêm kích 15.

1.7. Sư đoàn không quân hải quân 2 gồm 03 trung đoàn: không quân trinh sát 4; không quân trinh sát 6; không quân chống ngầm 5.

1.8. Sư đoàn không quân hải quân 5 gồm 04 trung đoàn: Không quân tiêm-cường kích (13, 14); không quân tiêm kích 15; không quân ném bom 7.

1.9. Các Lữ đoàn trực thuộc Hạm đội Bắc Hải: 01 lữ tàu ngầm chiến lược 1; 02 lữ Tàu ngầm diesel-điện (số 2, số 12); 02 lữ Tàu khu trục (số 1, số 10); 02 lữ Tàu hộ vệ tên lửa (số 11, số 12); 01 lữ Tàu chỉ viện bảo đảm 01; 01 lữ Tàu cứu hộ-cứu nạn; 01 lữ tàu huấn luyện; 02 lữ thủy quân lục chiến (số 5, số 6); 01 lữ tên lửa phòng không hải quân; 01 lữ radar số 1.

1.10. Các Hải đội trực thuộc Hạm đội Bắc Hải: Tàu rà phá ngư lôi 11; Tàu vận tải đổ bộ 1; Tàu săn ngầm; Tàu sinh sát; Tàu bảo đảm phục vụ.

1.11. Các Quân cảng trực thuộc Hạm đội Bắc Hải: Uy Hải, Thanh Đảo, Lữ Thuận.

1.10. Các đơn vị trực thuộc Hạm đội Bắc Hải: Căn cứ tàu ngầm Thanh Đảo; Trung đoàn không quân tiêm kích 3; Trường Cao đẳng bay hải quân (số 1, số 2); Đại đội không quân hạm; Bảo tàng Hải quân Bắc Hải; Cơ sở huấn luyện, thử nghiệm tàu ngầm; Cơ sở huấn luyện hải quân; Trung tâm huấn luyện tàu hải quân phía Bắc; Bệnh viện 971.

* **Vũ khí, trang bị Hạm đội Bắc Hải:** 106 tàu chiến chủ lực và các loại tàu bảo đảm các loại. Trong đó có: 24 tàu ngầm; 16 tàu khu trục tên lửa; 28 tàu hộ vệ tên lửa; 02 tàu vận tải đổ bộ; 04 tàu vận tải tiếp tế; 06 tàu quét lôi; 05 tàu săn ngầm; 09 tàu cứu hộ; 07 tàu trinh sát; 05 tàu bảo đảm. Hải quân đánh bộ được biên chế xe tăng, thiết giáp, pháo tự hành, các loại tên lửa, tàu đổ bộ đệm khí, trực thăng đổ bộ. Không quân hải quân được biên chế máy bay tiêm kích, máy bay ném bom, trực thăng chống ngầm.

2. Bộ Tư lệnh Hải quân Chiến khu Nam (Hạm đội Nam Hải)

Tư lệnh/Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy (Nhóm 6, Thiếu tướng)

2.1. Bộ Tham mưu (Nhóm 6, Thiếu tướng)

2.2. Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 6, Thiếu tướng)

2.3. Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 6, Thiếu tướng)

2.4. Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 7, Thiếu tướng)

2.5. Bộ Trang bị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

2.6. Sư đoàn không quân Hải quân 8 gồm 04 trung đoàn (không quân tiêm kích 22; không quân ném bom 23; không quân tiêm kích 24); 03 trung đoàn UAV; 01 tiểu đoàn UAV; 01 căn cứ UAV.

2.7. Sư đoàn không quân tiêm kích 9 gồm: Lữ đoàn không quân tiêm kích 25; Lữ đoàn không quân vận tải 26; Trung đoàn không quân cường kích 27.

2.8. Sư đoàn không quân trinh sát 3 gồm: Trung đoàn không quân trinh sát-chỉ huy-cảnh báo sớm; Trung đoàn không quân trinh sát.

2.9. Các Lữ đoàn trực thuộc Hạm đội Nam Hải: 01 lữ tàu ngầm chiến lược 2; 02 lữ tàu ngầm diesel-điện (số 32, số 52); 02 lữ tàu khu trục (số 2, số 9); 03 lữ tàu hộ vệ tên lửa (số 17, 18, 19); 01 lữ tàu vận tải đổ bộ 6; 01 lữ tàu chi viện-bảo đảm 3; 03 lữ bảo vệ bờ biển (22, 23, 24); 02 lữ thủy quân lục chiến (số 1, 2); 01 lữ tác chiến đặc biệt; 01 lữ radar 3; 01 lữ tên lửa phòng không hải quân.

2.10. Các Hải đội trực thuộc Hạm đội Nam Hải: Tàu tuần tiễu Trường Sa; Tàu tuần tiễu Hồng Kông; Tàu tên lửa tấn công nhanh; Tàu rà phá ngư lôi 10; Tàu rà phá ngư lôi 76; Tàu cứu hộ; Tàu bảo đảm-phục vụ.

2.11. Các Quân cảng trực thuộc Hạm đội Nam Hải: Bắc Hải; Tây Sa (Hoàng Sa); Sán Đầu; Nam Sa;

2.12. Các đơn vị khác trực thuộc Hạm đội Nam Hải: Căn cứ hải quân Quảng Châu; Căn cứ Hỗ trợ toàn diện Hải quân Tam Á; Căn cứ Hải quân Ngọc Lâm; Bảo tàng Lịch sử Hạm đội Nam Hải; Căn cứ Huấn luyện Hải quân Nam Hải; Trung tâm Huấn luyện hải quân phía Nam. 04 Trung đoàn pháo bảo vệ bờ biển; 02 trung đoàn pháo phòng không; 02 Đại đội tên lửa đất đối hải; 02 tiểu đoàn tên lửa đất đối hải; 04 tiểu đoàn radar đất đối hải; 01 trung đoàn không quân ném bom 1; 01 tiểu đoàn tên lửa phòng không.

* **Vũ khí, trang bị Hạm đội Nam Hải:** 174 tàu chiến chủ lực và các loại tàu bảo đảm các loại. Trong đó có: 27 tàu ngầm; 18 tàu khu trục tên lửa; 43 tàu hộ vệ tên lửa; 24 tàu vận tải đổ bộ; 10 tàu vận tải tiếp tế; 13 tàu quét lôi; 27 tàu săn ngầm; 26 tàu cứu hộ; 03 tàu trinh sát; 04 tàu bảo đảm. Hải quân đánh bộ được biên chế xe tăng, thiết giáp, pháo tự hành, các loại tên lửa, tàu đổ bộ đệm khí, trực thăng đổ bộ. Không quân hải quân được biên chế máy bay tiêm kích, máy bay ném bom, trực thăng chống ngầm.

3. Bộ Tư lệnh Hải quân Chiến khu Đông (Hạm đội Đông Hải)

Tư lệnh/Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy (Nhóm 6, Thiếu tướng)

3.1. Bộ Tham mưu (Nhóm 6, Thiếu tướng)

3.2. Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 6, Thiếu tướng)

3.3. Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 6, Thiếu tướng)

3.4. Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 7, Thiếu tướng)

3.5. Bộ Trang bị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

3.6. Sư đoàn không quân hải quân 4 gồm 04 trung đoàn: không quân tiêm kích (số 10, 12); trực thăng 11; UAV.

3.7. Sư đoàn không quân hải quân 6 gồm 03 trung đoàn: không quân tiêm-cường kcish (16, 18); không quân ném bom 17.

3.8. Các Lữ đoàn trực thuộc Hạm đội Đông Hải: 02 lữ tàu ngầm diesel-điện (số 22, 42); 02 lữ tàu khu trục (số 3, 6); 04 lữ tàu hộ vệ tên lửa (13, 14, 15, 16); 01 lữ tàu hộ vệ tấn công nhanh 21; 01 lữ tàu vận tải đổ bộ 5; 01 lữ tàu chi viện-bảo đảm 2; 02 lữ thủy quân lục chiến (số 3, số 4); 01 lữ radar 2.

3.9. Các Quân cảng trực thuộc Hạm đội Đông Hải: Thượng Hải, Hạ Môn, Ôn Châu, Chu San, Sán Đầu.

3.10. Các Hải đội trực thuộc Hạm đội Đông Hải: Tàu rà phá ngư lôi (số 4, số 9); Trinh sát-tác chiến điện tử; Tàu cứu hộ-cứu nạn; Tàu bảo đảm-phục vụ.

3.11. Các đơn vị khác trực thuộc Hạm đội Đông Hải: Trung đoàn không quân ném bom 5; Trung đoàn không quân trinh sát 8; Trung đoàn không quân vận tải 6. Căn cứ Huấn luyện Hải quân Đông Hải; Trung tâm Huấn luyện hải quân phía Đông. Bảo tàng Lịch sử Hạm đội Đông Hải.

* **Vũ khí, trang bị Hạm đội Đông Hải:** 160 tàu chiến chủ lực và các loại tàu bảo đảm các loại. Trong đó có: 18 tàu ngầm; 16 tàu khu trục tên lửa; 46 tàu hộ vệ tên lửa; 23 tàu vận tải đổ bộ; 03 tàu vận tải tiếp tế; 15 tàu quét lôi; 18 tàu săn ngầm; 03 tàu trinh sát; 07 tàu điều tra tổng hợp hải dương; 04 tàu cứu hộ; 02 tàu phục vụ. Hải quân đánh bộ được biên chế xe tăng, thiết giáp, pháo tự hành, các loại tên lửa, tàu đổ bộ đệm khí, trục thăng đổ bộ. Không quân hải quân được biên chế máy bay tiêm kích, máy bay ném bom, trục thăng chống ngầm.

4. Quân đoàn Thủy quân Lục chiến

Tư lệnh/Chính ủy (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy (Nhóm 8, Thiếu tướng)

Cục Tham mưu (Nhóm 8, Thiếu tướng)

Cục Công tác Chính trị (Nhóm 8, Thiếu tướng)

Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 8, Thiếu tướng)

Cục Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 9, Đại tá)

Cục Trang bị (Nhóm 9, Đại tá)

Lữ đoàn Thủy quân lục chiến số 7

Lữ đoàn Không quân Hải quân

Cơ sở huấn luyện Thủy quân lục chiến

Bệnh viện Thủy quân lục chiến

5. Các đơn vị khác trực thuộc Quân chủng Hải quân

Viện nghiên cứu Hải quân

Cơ sở đào tạo và thử nghiệm tàu sân bay

Căn cứ Hải quân tại nước Cộng hòa Djibouti (Đông Phi)

Căn cứ thử nghiệm Hải quân

Học viện Hải quân

Học viện Chỉ huy Hải quân

Học viện Hải quân Đại liên

Học viện Tàu ngầm Hải quân

Đại học Hàng không Hải quân

Đại học Kỹ thuật Hải quân

Đại học Quân y Hải quân

XI. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỤ THỂ QUÂN CHỦNG KHÔNG QUÂN

*** Cơ quan chức năng thuộc Quân chủng Không quân**

Tư lệnh (Nhóm 4, Thượng tướng)

Chính ủy (Nhóm 4, Thượng tướng)

Phó Tư lệnh (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Bộ Tham mưu (Nhóm 5, Trung tướng)

Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 5, Trung tướng)

Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 5, Trung tướng)

Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 6, Thiếu tướng)

Bộ Trang bị (Nhóm 6, Thiếu tướng)

1. Bộ Tư lệnh Không quân Chiến khu Bắc

Tư lệnh/Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy (Nhóm 6, Thiếu tướng)

1.1. Bộ Tham mưu (Nhóm 6, Thiếu tướng)

1.2. Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 6, Thiếu tướng)

1.3. Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 6, Thiếu tướng)

1.4. Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 7, Thiếu tướng)

1.5. Bộ Trang bị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

1.6. Các Sư đoàn trực thuộc: Không quân cường kích 11; không quân tiêm kích 12; Không quân đặc nhiệm 16 (*gồm 03 trung đoàn*); Không quân hỗn hợp 32.

1.7. Các Lữ đoàn trực thuộc: 03 lữ không quân tiêm kích (1, 2, 3); 02 lữ không quân tiêm-cường kích (15, 31); 10 lữ không quân tiêm kích (34, 36, 44, 61, 63, 88, 89, 90, 91, J20); 01 lữ vận tải-cứu hộ; 07 lữ radar (6, 7, 8, 11, 15, 16, 17); 05 lữ tên lửa phòng không (1, 5, 8, 12, 14).

1.8. Các đơn vị khác trực thuộc: Căn cứ Đại Liên (cấp quân đoàn); Căn cứ Tế Nam (cấp sư đoàn). Cơ sở huấn luyện không quân Thẩm Dương. Bệnh viện 463

2. Bộ Tư lệnh Không quân Chiến khu Nam

Tư lệnh/Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy (Nhóm 6, Thiếu tướng)

2.1. Bộ Tham mưu (Nhóm 6, Thiếu tướng)

2.2. Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 6, Thiếu tướng)

2.3. Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 6, Thiếu tướng)

2.4. Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 7, Thiếu tướng)

2.5. Bộ Trang bị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

2.6. Các Căn cứ trực thuộc: Căn cứ Nam Ninh (cấp quân đoàn); Căn cứ Côn Minh (cấp sư đoàn); 04 căn cứ không quân (Lôi Dương, Thiệu Đông, Quế Bình, Hưng Bình).

2.7. Các Sư đoàn trực thuộc: Không quân tiêm kích số 2; Không quân ném bom số 8 (*gồm 03 trung đoàn*); Không quân tiêm kích số 9 (*gồm 02 lữ đoàn*); Tên lửa phòng không.

2.8. Các Lữ đoàn trực thuộc: 09 lữ không quân tiêm kích độc lập (5, 6, 26, 54, 124, 125, 130, 131, 132); 01 lữ không quân tiêm-cường kích 126; 01 lữ không quân vận tải-cứu nạn; 01 lữ UAV; 06 lữ đoàn không quân (1, 5, 24, 25, 27, 30); 01 lữ tên lửa phòng không 10; 04 lữ phòng không (19, 20, 105, 109).

2.9 Các đơn vị trực thuộc khác: Căn cứ không quân dự bị; Cơ sở đào tạo thiết bị hàng không Liễu Châu; 01 trung đoàn UAV, 01 trung đoàn trực thăng; 04 tiểu đoàn radar đối hải; 01 tiểu đoàn UAV; 04 trung đoàn tên lửa phòng không; 09 trung đoàn radar phòng không.

3. Bộ Tư lệnh Không quân Chiến khu Đông

Tư lệnh/Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy (Nhóm 6, Thiếu tướng)

3.1. Bộ Tham mưu (Nhóm 6, Thiếu tướng)

3.2. Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 6, Thiếu tướng)

3.3. Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 6, Thiếu tướng)

3.4. Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 7, Thiếu tướng)

3.5. Bộ Trang bị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

3.6. Các Căn cứ trực thuộc: Căn cứ Thượng Hải (cấp quân đoàn); Căn cứ Phúc Châu (cấp sư đoàn).

3.7. Các Sư đoàn trực thuộc: Sư đoàn không quân ném bom 10 (*gồm 03 trung đoàn, 01 liên đội*); Sư đoàn không quân tiêm kích 14; Sư đoàn không quân đặc nhiệm 26 (*gồm 02 trung đoàn*).

3.8. Các Lữ đoàn trực thuộc: 11 lữ không quân tiêm kích (7, 8, 9, 40, 41, 78, 85, 86, 93, 95, 97); 02 lữ không quân tiêm-cường kích (83, 84); 01 lữ UAV; 01 lữ không quân vận tải cứu hộ cứu nạn; 06 lữ radar (3, 4, 12, 20, 22, 23); 03 lữ tên lửa phòng không (4, 7, 16).

3.9. Các đơn vị trực thuộc: Các Sân bay quân sự; 01 cơ sở đào tạo thiết bị hàng không.

4. Bộ Tư lệnh Không quân Chiến khu Tây

Tư lệnh/Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy (Nhóm 6, Thiếu tướng)

4.1. Bộ Tham mưu (Nhóm 6, Thiếu tướng)

4.2. Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 6, Thiếu tướng)

4.3. Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 6, Thiếu tướng)

4.4. Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 7, Thiếu tướng)

4.5. Bộ Trang bị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

4.6. Các Căn cứ trực thuộc: Căn cứ Urumqi (cấp quân đoàn); Căn cứ Lan Châu (cấp sư đoàn); Căn cứ Thành Quan (cấp sư đoàn).

4.7. Các Sư đoàn trực thuộc: Sư đoàn không quân vận tải 4 (*gồm 03 trung đoàn*); Sư đoàn không quân đặc nhiệm 20 (*gồm 03 trung đoàn*); Sư đoàn không quân ném bom 36 (*gồm 03 trung đoàn*); Sư đoàn không quân tiêm kích 6 (*gồm 02 trung đoàn*).

4.8. Các Lữ đoàn trực thuộc: 11 lữ không quân tiêm kích (16, 18, 97, 98, 99, 109, 110, 111, 112, 113, 114); 01 lữ vận tải cứu hộ cứu nạn; 02 lữ UAV; 06 lữ radar (13, 14, 17, 18, 28, 29); 06 lữ tên lửa phòng không (2, 6, 11, 18, Tây Tạng, Tân Cương).

4.9. Các đơn vị khác trực thuộc: Trung đoàn không quân trực thăng; Bệnh viện 452; Các Sân bay quân sự; 01 cơ sở đào tạo thiết bị hàng không.

5. Bộ Tư lệnh Không quân Chiến khu Trung tâm

Tư lệnh/Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy (Nhóm 6, Thiếu tướng)

5.1. Bộ Tham mưu (Nhóm 6, Thiếu tướng)

5.2. Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 6, Thiếu tướng)

5.3. Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 6, Thiếu tướng)

5.4. Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 7, Thiếu tướng)

5.5. Bộ Trang bị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

5.6. Quân đoàn Dù (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Gồm 03 lữ dù hạng nhẹ (127, 128, 131); 01 lữ dù đường không 130; 02 lữ dù cơ giới hóa (133, 134); 01 lữ dù đặc nhiệm; 01 lữ vận tải hàng không; 01 lữ chi viện bảo đảm.

5.7. Các Sư đoàn trực thuộc: Sư đoàn không quân tiêm kích 7; Sư đoàn không quân tiêm kích 19; Sư đoàn không quân vận tải 13 (gồm 03 trung đoàn); Sư đoàn không quân vận tải 34 (gồm 03 trung đoàn); Sư đoàn tên lửa phòng không 5 (gồm 04 trung đoàn).

5.8. Các Căn cứ trực thuộc: Căn cứ Đại Đồng (cấp quân đoàn); Căn cứ Vũ Hán (cấp sư đoàn). Căn cứ huấn luyện và thử nghiệm bay (Thương Châu, Hà Bắc).

5.9. Các Lữ đoàn trực thuộc: 09 lữ không quân tiêm kích (7, 19, 52, 53, 55, 56, 79, 72, 21); 01 lữ không quân tiêm-cường kích 43; 05 lữ không quân (2, 9, 19, 21, 26); 06 lữ tên lửa phòng không (3, 9, 20, 21, 22, 23).

5.10. Các đơn vị khác trực thuộc: Cơ sở huấn luyện không quân phía Bắc; Cơ sở đào tạo thiết bị hàng không Thiên Tân; Bệnh viện 451.

6. Các đơn vị trực thuộc Quân chủng Không quân

Căn cứ huấn luyện thực nghiệm không quân

Căn cứ huấn luyện dù không quân

Căn cứ huấn luyện bay thử nghiệm không quân

Viện nghiên cứu không quân

Học viện Chỉ huy Không quân

Học viện Không quân

Đại học Kỹ thuật Không quân

Đại học Hàng không

Học viện Cảnh báo sớm

Học viện Bay Cấp Nhĩ Tân

Học viện Bay Thạch Gia Trang

Học viện Bay Tân An

Học viện Dịch vụ Không quân

Đại học quân y không quân

Trường Hạ sĩ quan thông tin liên lạc

XII. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỤ THỂ QUÂN CHỦNG TÊN LỬA

*** Cơ quan chức năng thuộc Quân chủng Tên lửa**

Tư lệnh (Nhóm 4, Thượng tướng)

Chính ủy (Nhóm 4, Thượng tướng)

Phó Tư lệnh (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Bộ Tham mưu (Nhóm 5, Trung tướng)

Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 5, Trung tướng)

Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 5, Trung tướng)

Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 6, Thiếu tướng)

Bộ Trang bị (Nhóm 6, Thiếu tướng)

1. Căn cứ Tên lửa 61 (Hoàng Sơn, An Huy) tương đương cấp Quân đoàn đặt trên địa bàn Chiến khu Đông gồm 08 lữ đoàn tên lửa chiến lược (611, 612, 613, 614, 615, 616, 617, 618); 01 lữ đoàn dịch vụ-kỹ thuật; 05 trung đoàn (huấn luyện; bảo đảm; hỗ trợ hoạt động; thông tin; kiểm tra trang bị; UAV).

2. Căn cứ Tên lửa 62 (Côn Minh, Vân Nam) tương đương cấp Quân đoàn đặt trên địa bàn Chiến khu Nam gồm 07 lữ đoàn tên lửa chiến lược (621, 622, 623, 624, 625, 626, 627); 05 trung đoàn (huấn luyện; thông tin; hỗ trợ hoạt động; bảo đảm; kiểm tra trang bị).

3. Căn cứ Tên lửa 63 (Hoài Hóa, Hồ Nam) tương đương cấp Quân đoàn đặt trên địa bàn Chiến khu Nam gồm 06 lữ đoàn tên lửa chiến lược (631, 632, 633, 634, 635, 636); 05 trung đoàn (huấn luyện; thông tin; hỗ trợ hoạt động; bảo đảm; kiểm tra trang bị).

4. Căn cứ Tên lửa 64 (Lan Châu, Cam Túc) tương đương cấp Quân đoàn đặt trên địa bàn Chiến khu Tây gồm 07 lữ đoàn tên lửa chiến lược (641, 642, 643, 644, 645, 646, 647); 05 trung đoàn (huấn luyện; bảo đảm; hỗ trợ hoạt động; thông tin; kiểm tra trang bị).

5. Căn cứ Tên lửa 65 (Thẩm Dương, Liêu Ninh) tương đương cấp Quân đoàn đặt trên địa bàn Chiến khu Bắc gồm 05 lữ đoàn tên lửa (651, 652, 653, 654, 655).

6. Căn cứ Tên lửa 66 (Lạc Dương, Hà Nam) tương đương cấp Quân đoàn đặt trên địa bàn Chiến khu Trung tâm gồm: 05 Lữ đoàn tên lửa (662, 663, 664, 665, 666); 05 Trung đoàn (huấn luyện, thông tin, bảo đảm, hỗ trợ, kiểm tra trang bị).

7. Căn cứ Tên lửa 67 (Bảo Khê, Thiểm Tây) tương đương cấp Quân đoàn đặt trên địa bàn Chiến khu Tây gồm 01 lữ đoàn kỹ thuật; 07 trung đoàn (huấn luyện; thông tin; hỗ trợ tác chiến; phòng hóa; phòng không; tác chiến điện tử; vận tải-bảo đảm); 01 viện nghiên cứu trang bị; 01 đơn vị 96038; 01 cụm kỹ thuật; 01 trung đoàn trinh sát điện tử.

8. Căn cứ Tên lửa 68 (Lạc Dương, Hà Nam) tương đương cấp Quân đoàn đặt trên địa bàn Chiến khu Trung tâm gồm 06 lữ đoàn tên lửa chiến lược (681, 682, 683, 684, 685, 686).

9. Căn cứ Tên lửa 69 (Thẩm Dương, Liêu Ninh) tương đương cấp Quân đoàn đặt trên địa bàn Chiến khu Bắc gồm 04 trung tâm thử nghiệm-huấn luyện (1, 2, 3, 4); 01 trung đoàn quân sát; 01 trung đoàn kiểm soát-đo lường.

10. Căn cứ huấn luyện hỗn hợp (Trương Gia Khẩu, Hà Bắc)

11. Căn cứ thử nghiệm tên lửa (Hán Trung, Thiểm Tây)
12. Viện nghiên cứu tên lửa (Bắc Kinh)
13. Học viện chỉ huy tên lửa (Vũ Hán, Hồ Bắc)
14. Đại học Kỹ thuật tên lửa (Tây An, Thiểm Tây)
15. Học viện Hạ sĩ quan tên lửa (Thanh Châu, Sơn Đông).

XIII. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỤ THỂ QUÂN CHỦNG CHI VIỆN CHIẾN LƯỢC

*** Cơ quan chức năng thuộc Quân chủng Chi viện Chiến lược**

- Tư lệnh (Nhóm 4, Thượng tướng)
- Chính ủy (Nhóm 4, Thượng tướng)
- Phó Tư lệnh (Nhóm 5, Trung tướng)
- Phó Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)
- Bộ Tham mưu (Nhóm 5, Trung tướng)
- Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 5, Trung tướng)
- Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 5, Trung tướng)
- Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 6, Thiếu tướng)
- Bộ Trang bị (Nhóm 6, Thiếu tướng)

1. Bộ Tư lệnh Hệ thống Mạng

- Tư lệnh/Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)
- Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy (Nhóm 6, Thiếu tướng)
 - 1.1. Bộ Tham mưu (Nhóm 6, Thiếu tướng)
 - 1.2. Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 6, Thiếu tướng)
 - 1.3. Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 6, Thiếu tướng)
 - 1.4. Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 7, Thiếu tướng)
 - 1.5. Bộ Trang bị (Nhóm 7, Thiếu tướng)
 - 1.6. Các Cục trực thuộc: Cục Hệ thống Mạng; Cục Công nghệ Thông tin.
 - 1.7. Các đơn vị khác trực thuộc: 01 Lữ đoàn tác chiến điện tử; 03 cơ sở nghiên cứu CNTT (61161, 61726, 61786); 03 Viện nghiên cứu hệ thống mạng (56, 57, 58); 01 sở sở an ninh mạng; Trường Đại học Kỹ thuật thông tin.
 - 1.8. Các Cục trực thuộc đặt tại các Chiến khu
 - a) Chiến khu Trung tâm: Trung tâm Chi viện Chiến lược; 12 Cục Trinh sát kỹ thuật và không gian mạng (1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12).

b) Chiến khu Bắc: Trung tâm Chi viện Chiến lược; 01 Cục Trinh sát kỹ thuật và không gian mạng.

c) Chiến khu Đông: Trung tâm Chi viện Chiến lược; 03 Cục Trinh sát kỹ thuật và không gian mạng.

d) Chiến khu Tây: Trung tâm Chi viện Chiến lược; 03 Cục Trinh sát kỹ thuật và không gian mạng.

e) Chiến khu Nam: Trung tâm Chi viện Chiến lược; 02 Cục Trinh sát kỹ thuật và không gian mạng.

2. Bộ Tư lệnh Hệ thống Không gian - Vũ trụ

Tư lệnh/Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy (Nhóm 6, Thiếu tướng)

2.1. Bộ Tham mưu (Nhóm 6, Thiếu tướng)

2.2. Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 6, Thiếu tướng)

2.3. Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 6, Thiếu tướng)

2.4. Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 7, Thiếu tướng)

2.5. Bộ Trang bị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

2.6. Các Cục trực thuộc: Cục Mua sắm thiết bị và vật liệu thí nghiệm; Cục Đo lường và kiểm soát hàng hải vệ tinh; Cục Trinh sát Không gian; Căn cứ thử nghiệm hạt nhân Tân Cương số 21.

2.7. Các Trung tâm trực thuộc: Trung tâm quản lý và điều khiển vệ tinh chuyên tiếp; Trung tâm phóng vệ tinh Tử Truyền số 20; Trung tâm phóng vệ tinh số 25; Trung tâm thử nghiệm thiết bị điện tử số 33; Trung tâm kiểm soát và đo lường vệ tinh tây An số 26; Trung tâm phóng vệ tinh Tây Xương số 27; Trung tâm nghiên cứu và phát triển khí động học Miêu Dương số 29; Trung tâm kiểm soát chuyến bay hàng không vũ trụ Bắc Kinh; Trung tâm nghệ thuật truyền hình; Trung tâm nghiên cứu và phát triển hàng không vũ trụ;

2.8. Các đơn vị khác trực thuộc: Trạm giám sát chất lượng; Viện Công nghệ và truyền thông; Viện thiết kế kỹ thuật; Viện Đo lường và Truyền thông; 01 Lữ đoàn phi hành gia; Đại học Kỹ thuật Hàng không Vũ trụ.

2.9. Các Cục trực thuộc đặt tại các Chiến khu

a) Chiến khu Trung tâm: Trung tâm kiểm soát bay không gian; Cục Quản lý vệ tinh liên lạc quân sự; Cục Quản lý vệ tinh định vị quân sự; Cục Trinh sát Vũ trụ.

b) Chiến khu Bắc: Không

c) Chiến khu Đông: Cục Giám sát, điều khiển vệ tinh hàng hải; Trung tâm phóng vệ tinh.

d) Chiến khu Tây: 02 Trung tâm phóng vệ tinh; 01 Trung tâm điều khiển vệ tinh.

e) Chiến khu Nam: Không.

3. Các đơn vị khác trực thuộc Quân chủng Chi viện Chiến lược

Trung tâm Y tế đặc biệt

Căn cứ Thông tin và Truyền thông (Nhóm 8, Thiếu tướng).

Căn cứ 311 (Nhóm 8, Thiếu tướng) - *chuyên chiến tranh du luận, tâm lý*

Viện Điều dưỡng dịch vụ đặc biệt (Hưng Thành, Liêu Ninh)

XIV. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỤ THỂ BỘ TƯ LỆNH BẢO ĐẢM HẬU CẦN LIÊN HỢP

*** Cơ quan chức năng thuộc Quân chủng Chi viện Chiến lược**

Tư lệnh (Nhóm 5, Trung tướng)

Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Tư lệnh (Nhóm 6, Thiếu tướng)

Phó Chính ủy (Nhóm 6, Thiếu tướng)

Bộ Tham mưu (Nhóm 6, Thiếu tướng)

Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 6, Thiếu tướng)

Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 6, Thiếu tướng)

Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Bộ Trang bị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

1. Căn cứ bảo đảm hậu cần chung Vũ Hán (Nhóm 7, Thiếu tướng)

1.1. Các cơ quan trực thuộc: Cục Tham mưu; Cục Công tác Chính trị; Cục Cung ứng; Cục Vận tải; Cục Doanh trại; Cục Y tế; Cục Khoa học Công nghệ; Cục Công nghệ Thông tin.

1.2. Trung tâm bảo đảm hậu cần Vô Tích (đặt trên Chiến khu Đông): Phòng Tham mưu; Phòng Công tác Chính trị; Phòng Cung ứng; Phòng Vận tải; Phòng Y tế; Phòng Doanh trại; Phòng Khoa học Công nghệ; Phòng CNTT; 05 văn phòng đại diện; 05 chi nhánh; Bệnh viện đa khoa (đặt trên địa bàn Chiến khu Đông); 10 bệnh viện bảo đảm hậu cần (từ 900 đến 910); Trung tâm Điều dưỡng; Trung tâm kiểm soát, phòng ngừa dịch bệnh (đặt trên địa bàn Chiến khu Đông); Các kho hậu cần tổng hợp; các kho xăng dầu.

1.3. Trung tâm bảo đảm hậu cần Quế Lâm (đặt trên Chiến khu Nam): Phòng Tham mưu; Phòng Công tác Chính trị; Phòng Cung ứng; Phòng Vận tải; Phòng Y tế; Phòng Doanh trại; Phòng Khoa học Công nghệ; Phòng CNTT; 03 văn phòng đại diện; 05 chi nhánh; Bệnh viện đa khoa (đặt trên địa bàn Chiến khu Nam); 09 bệnh viện bảo đảm hậu cần (từ 921 đến 928); 02 Trung tâm Điều dưỡng;

Trung tâm kiểm soát, phòng ngừa dịch bệnh (đặt trên địa bàn Chiến khu Nam); 01 lữ đoàn đường ống dầu mỏ; Các kho hậu cần tổng hợp; các kho xăng dầu.

1.4. Trung tâm bảo đảm hậu cần Tây Ninh (đặt trên Chiến khu Tây): Phòng Tham mưu; Phòng Công tác Chính trị; Phòng Cung ứng; Phòng Vận tải; Phòng Y tế; Phòng Doanh trại; Phòng Khoa học Công nghệ; Phòng CNTT; 04 văn phòng đại diện; 03 chi nhánh; Bệnh viện đa khoa (đặt trên địa bàn Chiến khu Tây); 06 bệnh viện bảo đảm hậu cần (từ 940 đến 945); Trung tâm Điều dưỡng; Trung tâm kiểm soát, phòng ngừa dịch bệnh (đặt trên địa bàn Chiến khu Tây); Các kho hậu cần tổng hợp; các kho xăng dầu.

1.5. Trung tâm bảo đảm hậu cần Thẩm Dương (đặt trên Chiến khu Bắc): Phòng Tham mưu; Phòng Công tác Chính trị; Phòng Cung ứng; Phòng Vận tải; Phòng Y tế; Phòng Doanh trại; Phòng Khoa học Công nghệ; Phòng CNTT; 04 văn phòng đại diện; 05 chi nhánh; Bệnh viện đa khoa (đặt trên địa bàn Chiến khu Bắc); 11 bệnh viện bảo đảm hậu cần (từ 960 đến 970); Trung tâm Điều dưỡng; Trung tâm kiểm soát, phòng ngừa dịch bệnh (đặt trên địa bàn Chiến khu Bắc); Các kho hậu cần tổng hợp; các kho xăng dầu.

1.6. Trung tâm bảo đảm hậu cần Trịnh Châu (đặt trên Chiến khu Trung tâm): Phòng Tham mưu; Phòng Công tác Chính trị; Phòng Cung ứng; Phòng Vận tải; Phòng Y tế; Phòng Doanh trại; Phòng Khoa học Công nghệ; Phòng CNTT; 02 văn phòng đại diện; 05 chi nhánh; Bệnh viện đa khoa (đặt trên địa bàn Chiến khu Trung tâm); 10 bệnh viện bảo đảm hậu cần (từ 980 đến 991); 02 Trung tâm Điều dưỡng; Trung tâm kiểm soát, phòng ngừa dịch bệnh (đặt trên địa bàn Chiến khu Đông); các kho hậu cần tổng hợp; các kho xăng dầu.

2. Bệnh viện Đa khoa PLA (Nhóm 7, Thiếu tướng) gồm 08 trung tâm y tế (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8); 06 khu y tế; Bệnh viện Hải Nam; 01 trung tâm đào tạo; 01 trung tâm an ninh; 01 trung tâm bảo hành; 01 Trường Đại học; 01 cơ sở nghiên cứu đổi mới y tế.

3. Học viện Khoa học Quân y PLA (Nhóm 7, Thiếu tướng) gồm 01 Bệnh viện 307; 11 viện nghiên cứu; 01 thư viện y khoa; 01 nhà máy dụng cụ thí nghiệm; 01 trung tâm thí nghiệm động vật.

XV. CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ TƯ LỆNH CẢNH SÁT VŨ TRANG

*** Cơ quan chức năng thuộc Quân chủng Không quân**

Tư lệnh (Nhóm 4, Thượng tướng)

Chính ủy (Nhóm 4, Thượng tướng)

Phó Tư lệnh (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Bộ Tham mưu (Nhóm 5, Trung tướng)

Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 5, Trung tướng)

Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 5, Trung tướng)

Bộ Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 6, Thiếu tướng)

Bộ Trang bị (Nhóm 6, Thiếu tướng)

1. Quân đoàn Cảnh sát Cơ động 1

Tư lệnh/Chính ủy (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy (Nhóm 8, Thiếu tướng)

1.1. Cục Tham mưu (Nhóm 8, Thiếu tướng)

1.2. Cục Công tác Chính trị (Nhóm 8, Thiếu tướng)

1.3. Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 8, Thiếu tướng)

1.4. Cục Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 9, Đại tá)

1.5. Cục Trang bị (Nhóm 9, Đại tá)

1.6. Các Lữ đoàn (chi đội) trực thuộc: 03 lữ tác chiến đặc biệt (1, 2, 3); 09 lữ cảnh sát cơ động (từ số 1 đến số 9); 02 lữ cảnh sát giao thông (1, 2); 01 lữ trực thăng; 01 lữ công binh-phòng hóa.

2. Quân đoàn Cảnh sát Cơ động 2

Tư lệnh/Chính ủy (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy (Nhóm 8, Thiếu tướng)

2.1. Cục Tham mưu (Nhóm 8, Thiếu tướng)

2.2. Cục Công tác Chính trị (Nhóm 8, Thiếu tướng)

2.3. Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 8, Thiếu tướng)

2.4. Cục Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 9, Đại tá)

2.5. Cục Trang bị (Nhóm 9, Đại tá)

2.6. Các Lữ đoàn (chi đội) trực thuộc: 02 lữ tác chiến đặc biệt (1, 2); 09 lữ cảnh sát cơ động (từ số 1 đến số 9); 03 lữ cảnh sát giao thông (1, 2, 3); 01 lữ trực thăng; 01 lữ công binh-phòng hóa.

3. Quân đoàn Cảnh sát biển

Tư lệnh/Chính ủy (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy (Nhóm 8, Thiếu tướng)

3.1. Cục Tham mưu (Nhóm 8, Thiếu tướng)

3.2. Cục Công tác Chính trị (Nhóm 8, Thiếu tướng)

3.3. Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 8, Thiếu tướng)

3.4. Cục Thực thi Pháp luật (Nhóm 8, Thiếu tướng)

3.5. Cục Bảo đảm Hậu cần (Nhóm 9, Đại tá)

3.6. Cục Trang bị (Nhóm 9, Đại tá)

3.7. Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Bắc Hải (Nhóm 8, Thiếu tướng) gồm 06 lữ đoàn (Liêu Ninh, Thiên Tân, Hà Bắc, Sơn Đông, số 6, hàng không số 3).

3.8. Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Đông Hải (Nhóm 8, Thiếu tướng) gồm 07 lữ đoàn (Giang Tô, Thượng Hải, Chiết Giang, Phúc Kiến, số 1, số 2, hàng không số 1).

3.9 Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Nam Hải (Nhóm 8, Thiếu tướng) gồm 07 lữ đoàn (Quảng Đông, Quảng Tây, Hải Nam, số 3, số 4, số 5, hàng không số 2).

3.10. Các đơn vị trực thuộc: Bệnh viện Cảnh sát biển.

4. Quân đoàn Cảnh sát Vũ trang Bắc Kinh (Nhóm 7, Thiếu tướng) gồm 03 sư đoàn và một số đơn vị trực thuộc.

5. Quân đoàn Cảnh sát Vũ trang Tân Cương (Nhóm 7, Thiếu tướng) gồm 07 lữ đoàn cảnh sát cơ động (từ số 1 đến số 7); 01 lữ đoàn tác chiến đặc biệt chống khủng bố; 14 lữ đoàn thuộc các huyện cấp thị.

6. Quân đoàn Cảnh sát Vũ trang Tây Tạng (Nhóm 7, Thiếu tướng) gồm 07 lữ đoàn cảnh sát cơ động (từ số 1 đến số 7); 01 lữ đoàn tác chiến đặc biệt chống khủng bố; 10 lữ đoàn thuộc các huyện cấp thị.

7. Các Quân đoàn Cảnh sát Vũ trang cấp Tỉnh (Nhóm 8, Thiếu tướng) gồm 29 Quân đoàn Cảnh sát Vũ trang thuộc các tỉnh: Thượng Hải, Thiên Tân, Trùng Khánh, Sơn Tây, Liêu Ninh, Hắc Long Giang, Thiểm Tây, Cam Túc, Thanh Hải, Sơn Đông, Hà Bắc, Nội Mông, Cát Lâm, Giang Tô, An Huy, Chiết Giang, Phúc Kiến, Giang Tây, Sơn Đông, Hà Nam, Hồ Bắc, Hồ Nam, Quảng Đông, Quảng Tây, Hải Nam, Tứ Xuyên, Quý Châu, Vân Nam, Ninh Hạ.

8. Các đơn vị trực thuộc BTL Cảnh sát vũ trang

Học viện Chỉ huy Cảnh sát vũ trang

Học viện Cảnh sát vũ trang

Học viện Cảnh sát đặc nhiệm

Học viện Hậu cần

Học viện Cảnh sát biển

Học viện Hạ sĩ quan Cảnh sát vũ trang

Đại học Kỹ thuật Cảnh sát vũ trang

Viện nghiên cứu Cảnh sát vũ trang

Căn cứ quản lý chó

XVI. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỤ THỂ ĐẠI HỌC QUỐC PHÒNG

Hiệu trưởng (Nhóm 4, Thượng tướng)

Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Hiệu trưởng (Nhóm 6, Trung tướng)

Phó Chính ủy (nhóm 6, Trung tướng)

Văn phòng (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Giáo dục đào tạo (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Nghiên cứu (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Sau đại học (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 6, Trung tướng)

Học viện An ninh Quốc gia (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Học viện Tác chiến Liên hợp (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Học viện Chính trị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Học viện Văn hóa Nghệ thuật (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Học viện Quốc phòng Quốc tế (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Hệ Sau Đại học (Nhóm 7, Thiếu tướng)

XVII. CƠ CẤU TỔ CHỨC HỌC VIỆN KHOA HỌC QUÂN SỰ

Giám đốc (Nhóm 4, Thượng tướng)

Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Giám đốc (Nhóm 6, Trung tướng)

Phó Chính ủy (Nhóm 6, Trung tướng)

Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 6, Trung tướng)

Văn phòng (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Cục Quản lý An ninh (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Viện Nghiên cứu Chiến tranh (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Viện Nghiên cứu Công tác Chính trị Quân sự (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Viện Nghiên cứu Pháp luật Quân sự (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Viện Kỹ thuật Hệ thống (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Viện Nghiên cứu Hóa học (Nhóm 7, Thiếu tướng)

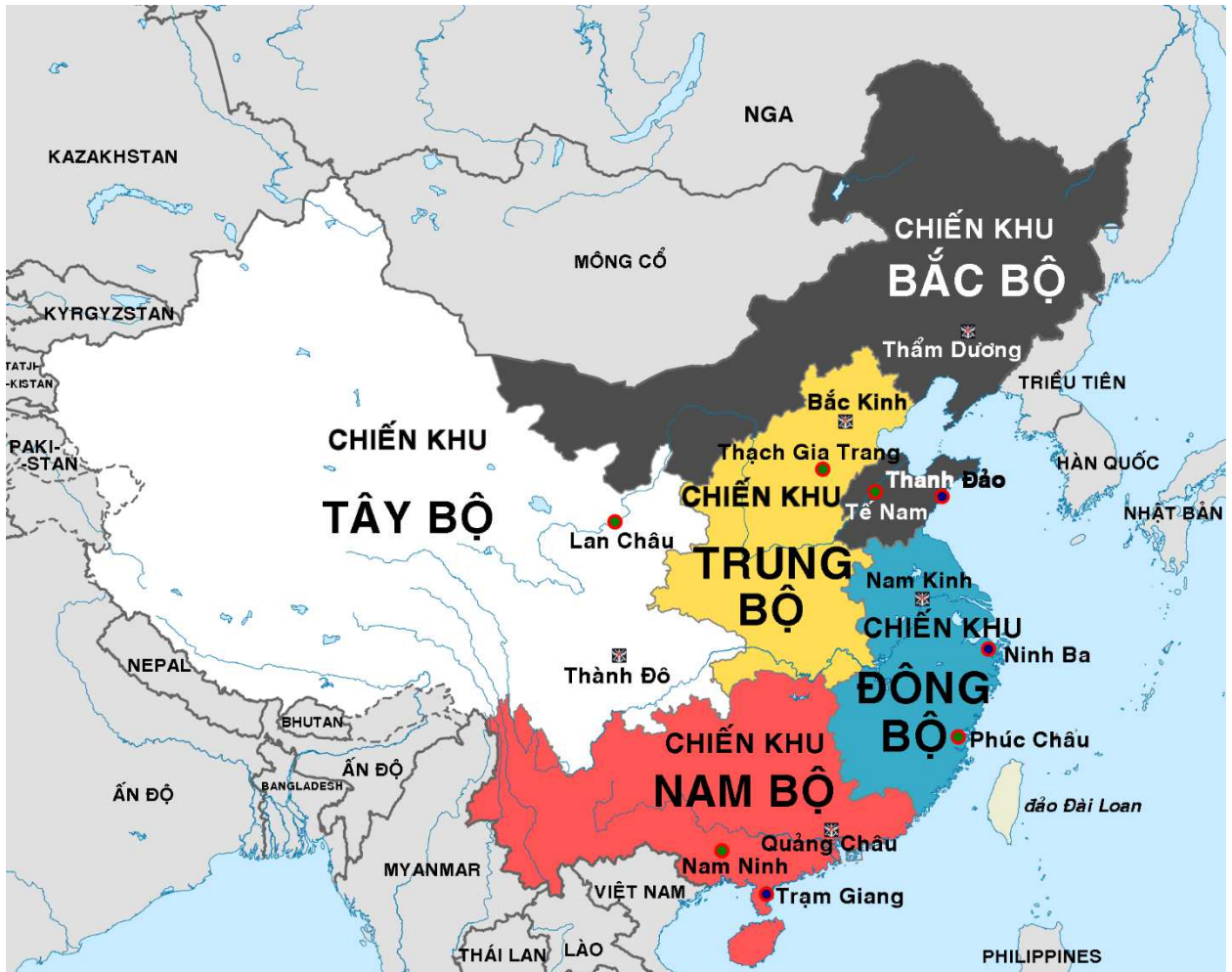
Viện Nghiên cứu Kỹ thuật Quốc phòng (Nhóm 7, Thiếu tướng)

Viện Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ
Học viện Khoa học Quân sự (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Học viện Khoa học Quân y (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Trường Sau Đại học (Nhóm 8, Đại tá)

XVIII. CƠ CẤU TỔ CHỨC ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ QUỐC PHÒNG

Hiệu trưởng (Nhóm 6, Trung tướng)
Chính ủy (Nhóm 6, Trung tướng)
Phó Hiệu trưởng (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Phó Chính ủy (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Ủy ban Kiểm tra Kỷ luật (Nhóm 7, Thiếu tướng)
Văn phòng (Nhóm 8, Thiếu tướng)
Cục Giáo dục Đào tạo (Nhóm 8, Thiếu tướng)
Cục Công tác Chính trị (Nhóm 8, Thiếu tướng)
Trường Khoa học máy tính (Nhóm 8, Thiếu tướng)
Trường Khoa học Điện tử (Nhóm 8, Thiếu tướng)
Trường Khoa học hàng không Vũ trụ (Nhóm 8, Thiếu tướng)
Trường Khoa học Điện tử (Nhóm 8, Thiếu tướng)
Trường Khoa học Thông minh (Nhóm 8, Thiếu tướng)
Trường Thông tin và Truyền thông (Nhóm 8, Thiếu tướng)
Trường Tác chiến điện tử (Nhóm 8, Thiếu tướng)
Trường Khí tượng Hải dương học (Nhóm 8, Thiếu tướng)
Trường Quan hệ Quốc tế (Nhóm 8, Thiếu tướng)
Trường Sau đại học (Nhóm 8, Thiếu tướng)
Viện Nghiên cứu 13 (Nhóm 8, Thiếu tướng)

XIX. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỤ THỂ CÁC CHIẾN KHU



1. Chiến khu Trung tâm

1.1. Chức năng, nhiệm vụ

Chiến khu Trung tâm được thành lập ngày 01.02.2016 đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ huy toàn diện của Quân ủy Trung ương. Chiến khu có vị trí đặc biệt quan trọng trong thế trận chiến lược bảo vệ Thành phố Bắc Kinh và các cơ quan quan trọng của Đảng, Nhà nước, Chính phủ Trung Quốc. Đảm nhiệm 06 tỉnh/thành phố gồm: TP. Bắc Kinh, TP. Thiên Tân, tỉnh Hà Bắc, tỉnh Sơn Tây, tỉnh Hà Nam, tỉnh Hồ Bắc.

Có nhiệm vụ bảo đảm an ninh Thành phố Bắc Kinh, đề phòng, ngăn chặn lực lượng tiến công vào Thành phố Bắc Kinh từ phía Tây, biển Hoàng Hải, biển Bột Hải; đào tạo, huấn luyện lực lượng tác chiến cho các chiến khu; sẵn sàng chi viện trong thời chiến.

1.2. Cơ cấu, tổ chức

Tư lệnh (Nhóm 4, Thượng tướng)

Chính ủy (Nhóm 4, Thượng tướng)

Các Phó Tư lệnh (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Bộ Tham mưu Liên hợp (Nhóm 5, Trung tướng)

Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 5, Trung tướng)

Lữ đoàn Tên lửa phòng không độc lập (05 Lữ đoàn)

Trung tâm Chỉ huy tác chiến liên hợp Chiến khu (01 Trung tâm)

Chiến khu chỉ duy trì riêng bộ khung của cơ quan. Các đơn vị đóng quân trên khu vực Chiến khu quản lý (*Lục quân, Hải quân, Không quân, Tên lửa, Chi viện Chiến lược, Bảo đảm Hậu cần Liên hợp, Cảnh sát Vũ trang, Quân khu cấp Tỉnh, Bán quân sự và dự bị*), chịu sự chỉ huy tác chiến liên hợp, huấn luyện thực hành tác chiến liên hợp.

2. Chiến khu Bắc bộ

1.1. Chức năng, nhiệm vụ

Chiến khu Bắc bộ được thành lập ngày 01.02.2016 đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ huy toàn diện của Quân ủy Trung ương. Đảm nhiệm hướng chiến lược phía Bắc gồm 05 tỉnh/thành phố/khu tự trị gồm: tỉnh Liêu Ninh, tỉnh Cát Lâm, tỉnh Hắc Long Giang, tỉnh Sơn Đông, khu tự trị Nội Mông Cổ, biển Hoàng Hải.

Có nhiệm vụ bảo đảm an ninh, đối phó với những nguy cơ uy hiếp an ninh từ phía Bắc Trung Quốc và các khu vực trọng điểm; ngăn chặn tiến công quân sự, đổ bộ đường không, đường biển từ vùng duyên hải phía Bắc Trung Quốc, hướng Nga, bán đảo Triều Tiên, Mông Cổ; duy trì, bảo vệ chủ quyền, lợi ích của Trung Quốc trên biển Bột Hải, Hoàng Hải, Nhật Bản, Okhotsk, Bắc Băng Dương; sẵn sàng hỗ trợ hướng Nhật Bản, biển Hoa Đông, khu vực biển Đông.

1.2. Cơ cấu, tổ chức

Tư lệnh (Nhóm 4, Thượng tướng)

Chính ủy (Nhóm 4, Thượng tướng)

Các Phó Tư lệnh (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Bộ Tham mưu Liên hợp (Nhóm 5, Trung tướng)

Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 5, Trung tướng)

Lữ đoàn Tên lửa phòng không độc lập (05 Lữ đoàn)

Trung tâm Chỉ huy tác chiến liên hợp Chiến khu (01 Trung tâm)

Chiến khu chỉ duy trì riêng bộ khung của cơ quan. Các đơn vị đóng quân trên khu vực Chiến khu quản lý (*Lục quân, Hải quân, Không quân, Tên lửa, Chi viện Chiến lược, Bảo đảm Hậu cần Liên hợp, Cảnh sát Vũ trang, Quân khu cấp Tỉnh, Bán quân sự và dự bị*), chịu sự chỉ huy tác chiến liên hợp, huấn luyện thực hành tác chiến liên hợp.

3. Chiến khu Nam bộ

1.1. Chức năng, nhiệm vụ

Chiến khu Trung tâm được thành lập ngày 01.02.2016 đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ huy toàn diện của Quân ủy Trung ương. Là một trong những Chiến khu quan trọng nhất của Quân đội Trung Quốc. Đảm nhiệm 08 tỉnh/khu tự trị/đặc khu gồm: tỉnh Quảng Đông, Khu tự trị choang Quảng Tây, tỉnh Hải Nam, tỉnh Vân Nam, tỉnh Hồ Nam, tỉnh Quý Châu, đặc khu Ma Cao, đặc khu Hồng Kông. Có nhiệm vụ bảo đảm an ninh trên hướng chiến lược phía Nam, duy trì ổn định, ngăn ngừa chiến tranh, bảo vệ chủ quyền lãnh hải ở biển Đông; chỉ viện cho Chiến khu Đông bộ khi giải quyết vấn đề Đài Loan.

1.2. Cơ cấu, tổ chức

Tư lệnh (Nhóm 4, Thượng tướng)

Chính ủy (Nhóm 4, Thượng tướng)

Các Phó Tư lệnh (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Bộ Tham mưu Liên hợp (Nhóm 5, Trung tướng)

Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 5, Trung tướng)

Lữ đoàn Tên lửa phòng không độc lập (05 Lữ đoàn)

Trung tâm Chỉ huy tác chiến liên hợp Chiến khu (01 Trung tâm)

Chiến khu chỉ duy trì riêng bộ khung của cơ quan. Các đơn vị đóng quân trên khu vực Chiến khu quản lý (*Lục quân, Hải quân, Không quân, Tên lửa, Chỉ viện Chiến lược, Bảo đảm Hậu cần Liên hợp, Cảnh sát Vũ trang, Quân khu cấp Tỉnh, Bán quân sự và dự bị*), chịu sự chỉ huy tác chiến liên hợp, huấn luyện thực hành tác chiến liên hợp.

4. Chiến khu Đông bộ

1.1. Chức năng, nhiệm vụ

Chiến khu Đông bộ được thành lập ngày 01.02.2016 đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ huy toàn diện của Quân ủy Trung ương, được đánh giá là một trong những chiến khu quan trọng nhất của Trung Quốc. Gồm 06 tỉnh/thành phố gồm: TP. Thượng Hải, tỉnh Giang Tô, tỉnh Chiết Giang, tỉnh An Huy, tỉnh Giang Tây, tỉnh Phúc Kiến. Có nhiệm vụ bảo đảm an ninh hướng chiến lược phía đông, biên Hoa Đông, Đài Loan.

1.2. Cơ cấu, tổ chức

Tư lệnh (Nhóm 4, Thượng tướng)

Chính ủy (Nhóm 4, Thượng tướng)

Các Phó Tư lệnh (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Bộ Tham mưu Liên hợp (Nhóm 5, Trung tướng)

Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 5, Trung tướng)

Lữ đoàn Tên lửa phòng không độc lập (05 Lữ đoàn)

Trung tâm Chỉ huy tác chiến liên hợp Chiến khu (01 Trung tâm)

Chiến khu chỉ duy trì riêng bộ khung của cơ quan. Các đơn vị đóng quân trên khu vực Chiến khu quản lý (*Lục quân, Hải quân, Không quân, Tên lửa, Chi viện Chiến lược, Bảo đảm Hậu cần Liên hợp, Cảnh sát Vũ trang, Quân khu cấp Tỉnh, Bán quân sự và dự bị*), chịu sự chỉ huy tác chiến liên hợp, huấn luyện thực hành tác chiến liên hợp.

5. Chiến khu Tây bộ

1.1. Chức năng, nhiệm vụ

Chiến khu Tây Bộ được thành lập ngày 01.02.2016 đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ huy toàn diện của Quân ủy Trung ương. Đảm nhiệm hướng chiến lược phía Tây, gồm 07 tỉnh/thành phố/khu tự trị gồm: Khu tự trị Tây Tạng, Khu tự trị Tân Cương, tỉnh Cam Túc, tỉnh Thanh Hải, tỉnh Thiểm Tây, Khu tự trị hồi Ninh Hạ, tỉnh Tứ Xuyên. Có nhiệm vụ bảo đảm an ninh và ổn định tuyến biên giới trên bộ ở phía Tây, sẵn sàng đánh bại âm mưu xâm lược của lực lượng Đông Thổ, Tây Tạng đòi ly khai; duy trì ổn định khu vực Nam Á.

1.2. Cơ cấu, tổ chức

Tư lệnh (Nhóm 4, Thượng tướng)

Chính ủy (Nhóm 4, Thượng tướng)

Các Phó Tư lệnh (Nhóm 5, Trung tướng)

Phó Chính ủy (Nhóm 5, Trung tướng)

Bộ Tham mưu Liên hợp (Nhóm 5, Trung tướng)

Bộ Công tác Chính trị (Nhóm 5, Trung tướng)

Lữ đoàn Tên lửa phòng không độc lập (05 Lữ đoàn)

Trung tâm Chỉ huy tác chiến liên hợp Chiến khu (01 Trung tâm)

Chiến khu chỉ duy trì riêng bộ khung của cơ quan. Các đơn vị đóng quân trên khu vực Chiến khu quản lý (*Lục quân, Hải quân, Không quân, Tên lửa, Chi viện Chiến lược, Bảo đảm Hậu cần Liên hợp, Cảnh sát Vũ trang, Quân khu cấp Tỉnh, Bán quân sự và dự bị*), chịu sự chỉ huy tác chiến liên hợp, huấn luyện thực hành tác chiến liên hợp.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Như vậy có thể thấy rằng Lực lượng vũ trang Trung Quốc là lực lượng cực kỳ hùng hậu với quân số đứng thứ nhất trên thế giới. Về cơ bản, tổ chức biên chế đã được rút gọn bớt cấp Trung đoàn và tổ chức thêm Bộ Tư lệnh Ngành.

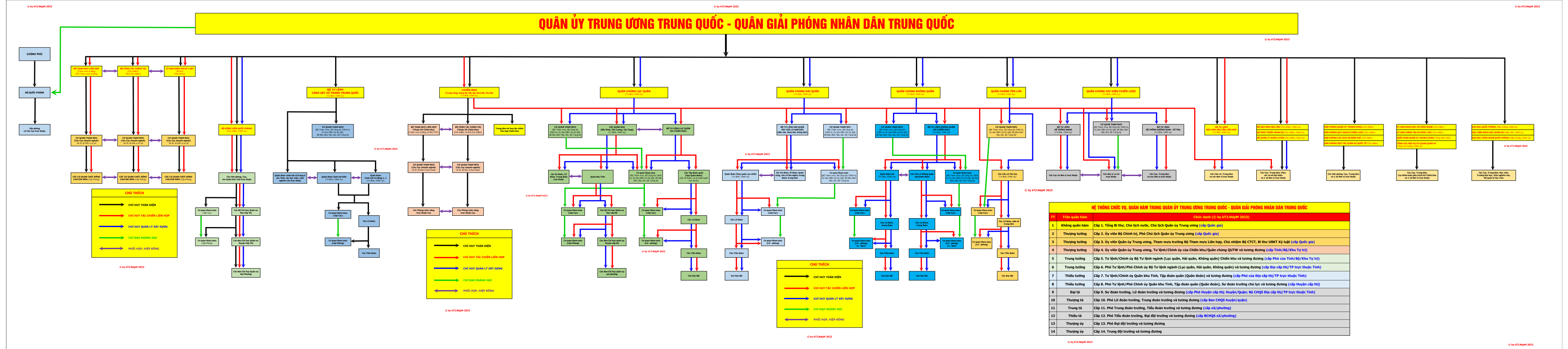
Với quy mô quân số như vậy thực hiện loại hình tác chiến liên hợp cấp Quân đoàn - Lữ đoàn hỗn hợp là rất khả thi trong tình hình chiến tranh hiện đại hiện nay. Bộ Quốc phòng bị giảm mạnh quyền hạn và tổ chức, chỉ tồn tại những cơ quan chức năng trên danh nghĩa là như một Bộ thông thường thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đối nội, ngoại giao quân sự.

Còn đối với Cảnh sát Vũ trang với quân số lên đến 800.000 có thể thấy rằng đây vẫn là lực lượng nòng cốt bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, giữ gìn an ninh trật tự nội địa. Hai cơ quan Cảnh sát Vũ trang, Bộ Quốc phòng bị kìm kẹp bởi Quân ủy Trung ương và việc thực hiện 02 cơ chế (chỉ huy tác chiến, quản lý xây dựng) tách riêng nhau, tạo ra sự an toàn trong việc phòng chống bạo loạn, phản kháng ngay trong chính nội bộ, tăng cường sự chỉ huy toàn diện và sức mạnh của quân sự Trung Quốc trên trường quốc tế.

HỆ THỐNG CHỨC VỤ, QUÂN HÀM TRONG QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG TRUNG QUỐC - QUÂN GIẢI PHÓNG NHÂN DÂN TRUNG QUỐC		
TT	Trên quân hàm	Chức danh (© by kT3.NdpM 2023)
1	Không quân hàm	Cấp 1. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quân ủy Trung ương (cấp Quốc gia)
2	Thượng tướng	Cấp 2. Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương (cấp Quốc gia)
3	Thượng tướng	Cấp 3. Ủy viên Quân ủy Trung ương, Tham mưu trưởng Bộ Tham mưu Liên hợp, Chủ nhiệm Bộ CTCT, Bí thư UBKT Kỷ luật (cấp Quốc gia)
4	Thượng tướng	Cấp 4. Ủy viên Quân ủy Trung ương, Tư lệnh/Chính ủy của Chiến khu/Quân chủng QUTW và tương đương (cấp Tỉnh/Bộ/Khu Tự trị)
5	Trung tướng	Cấp 5. Tư lệnh/Chính ủy Bộ Tư lệnh ngành (Lục quân, Hải quân, Không quân) Chiến khu và tương đương (cấp Phó của Tỉnh/Bộ/Khu Tự trị)
6	Trung tướng	Cấp 6. Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy Bộ Tư lệnh ngành (Lục quân, Hải quân, Không quân) và tương đương (cấp Địa cấp thị/TP trực thuộc Tỉnh)
7	Thiếu tướng	Cấp 7. Tư lệnh/Chính ủy Quân khu Tỉnh, Tập đoàn quân (Quân đoàn) và tương đương (cấp Phó của Địa cấp thị/TP trực thuộc Tỉnh)
8	Thiếu tướng	Cấp 8. Phó Tư lệnh/Phó Chính ủy Quân khu Tỉnh, Tập đoàn quân (Quân đoàn), Sư đoàn trưởng chủ lực và tương đương (cấp Huyện cấp thị)
9	Đại tá	Cấp 9. Sư đoàn trưởng, Lữ đoàn trưởng và tương đương (cấp Phó Huyện cấp thị; Huyện/Quận; Bộ CHQS Địa cấp thị/TP trực thuộc Tỉnh)
10	Thượng tá	Cấp 10. Phó Lữ đoàn trưởng, Trung đoàn trưởng và tương đương (cấp Ban CHQS huyện/quận)
11	Trung tá	Cấp 11. Phó Trung đoàn trưởng, Tiểu đoàn trưởng và tương đương (cấp xã/phường)
12	Thiếu tá	Cấp 12. Phó Tiểu đoàn trưởng, Đại đội trưởng và tương đương (cấp BCHQS xã/phường)
13	Thượng úy	Cấp 13. Phó Đại đội trưởng và tương đương
14	Thượng úy	Cấp 14. Trung đội trưởng và tương đương

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG TRUNG QUỐC 2023

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG TRUNG QUỐC - QUÂN GIẢI PHÓNG NHÂN DÂN TRUNG QUỐC



SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC QUÂN ỦY TRUNG ƯƠNG TRUNG QUỐC - QUÂN GIẢI PHÓNG NHÂN DÂN TRUNG QUỐC

Link tải full đầy đủ: https://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/9/93/S%2FC6%A1_%C4%91%E1%BB%93_c%2FC6%A1_c%2E1%BA%A5u_t%2E1%BB%95_ch%2E1%BB%A9c_Qu%2C%A2n_%2E1%BB%A7y_Trung_%2C%B0%2C%A1ng_-_Qu%2C%A2n_Gi%2E1%BA%A3i_ph%2C%B3ng_nh%2C%A2n_d%2C%A2n_Trung_Qu%2E1%BB%91c.png

Phụ lục

Nội dung	Số trang
I. Tổng quan chiến lược quân sự	03
II. Tổng quan cơ cấu tổ chức	08
III. Tổ chức Đảng	10
IV. Tổ chức chính quyền	11
V. Tổ chức, biên chế	13
VI. Trần quân hàm, nhóm chức vụ	15
VII. Tổ chức chung của Quân chủng, Chiến khu, Bộ Tư lệnh ngành, Quân đoàn, Quân khu cấp tỉnh	21
VIII. Cơ cấu tổ chức cụ thể 15 cơ quan QUTW	26
IX. Cơ cấu tổ chức cụ thể Quân chủng Lục quân	33
X. Cơ cấu tổ chức cụ thể Quân chủng Hải quân	39
XI. Cơ cấu tổ chức cụ thể Quân chủng Không quân	43
XII. Cơ cấu tổ chức cụ thể Quân chủng Tên lửa	46
XIII. Cơ cấu tổ chức cụ thể Quân chủng Chi viện chiến lược	48
XIV. Cơ cấu tổ chức Bộ Tư lệnh Bảo đảm Hậu cần liên hợp	50
XV. Cơ cấu tổ chức Bộ Tư lệnh Cảnh sát vũ trang	51
XVI. Cơ cấu tổ chức Đại học Quốc phòng	54
XVII. Cơ cấu tổ chức Học viện Khoa học Quân sự	54
XVIII. Cơ cấu tổ chức Đại học Công nghệ Quốc phòng	55
XIX. Cơ cấu tổ chức cụ thể các Chiến khu	56
Bảng tóm tắt nhóm chức vụ, trần quân hàm	61
Sơ đồ tổ chức Quân ủy Trung ương Trung Quốc	62

**TOÀN CẢNH CƠ CẤU TỔ CHỨC
LỰC LƯỢNG VŨ TRANG
QUÂN ĐỘI TRUNG QUỐC
NĂM 2023**

Năm 2023